

LỜI MỞ ĐẦU

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng đang tiến hành hội nhập với thế giới, đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp phát triển. Để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp luôn cố gắng, nỗ lực nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của mình. Chính vì vậy, phương thức và mặt hàng kinh doanh ngày càng phong phú và đa dạng.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thanh niên, từ những kiến thức đã được học và thực tiễn, em quyết định chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên”*** cho bài khoá luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khoá luận của em gồm 3 chương chính sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH một thành viên Thanh niên đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khoá luận này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2010

Sinh viên

Trần Thị Phương Nhung

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản.

1.1.2.1. Doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

❖ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: đây là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp; sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ, doanh thu được ghi nhận.

- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận thanh toán: theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán 1 phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu, doanh thu được ghi nhận.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- Tiêu thụ theo phương thức đại lý: là phương thức mà bên bán chuyển hàng cho bên nhận đại lý, khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi, doanh thu và giá vốn của hàng bán được ghi nhận.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

❖ Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyên nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ Thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lưu

kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- Hàng bán bị trả lại: Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh khi doanh nghiệp sản xuất các loại sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp các loại dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

+ Thuế xuất khẩu cũng được coi là một khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh thu của hàng hoá xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Doanh thu của sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp đã bao gồm thuế GTGT. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ phải tương ứng với doanh thu đã xác định.

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.2.2. Chi phí.

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng,...

❖ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm,... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng,...

- Chi phí bảo hành: dùng để phản ánh khoản chi phí dùng để bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi,...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng,...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, ... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ, ...

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, ...

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất, ... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, ...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, ...

❖ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, ...

❖ Chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ - Chi phí tài chính

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng + hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí QL DN

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã, . . . đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.
- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn bán hàng thông thường, hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

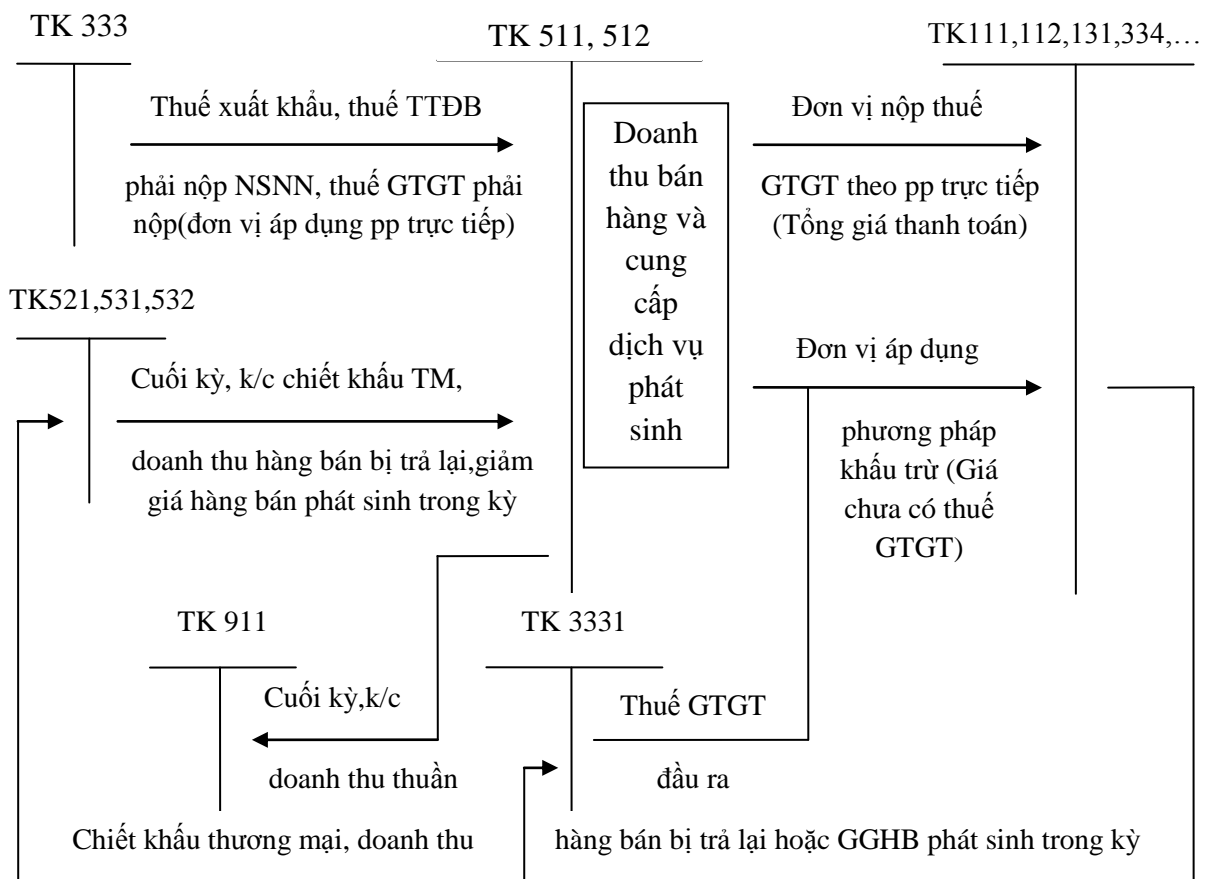
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hoá
 - Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát bằng sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1 - Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi

- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

❖ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

➤ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 531 - Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

➤ Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 532 - Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản

giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

➤ Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ Bên Có:

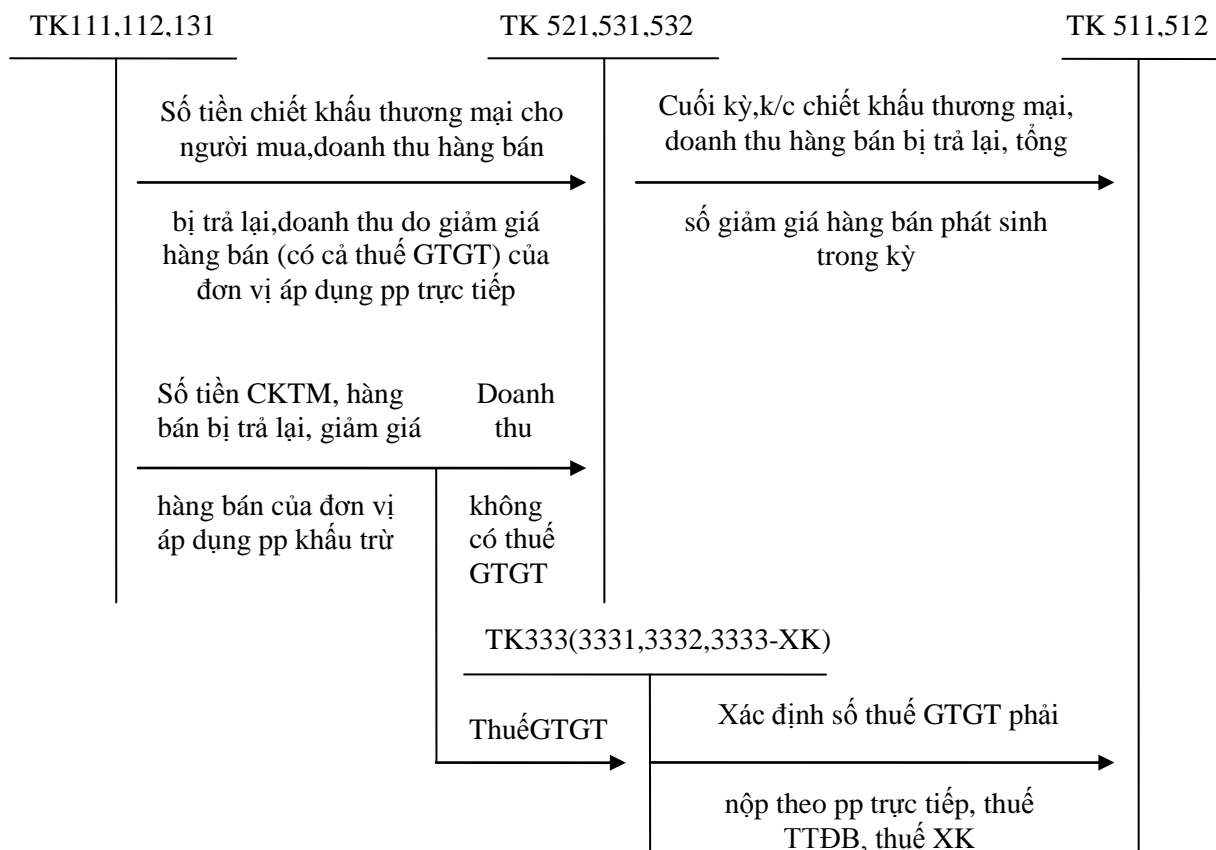
- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

➤ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

* Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu (TK 3333-XK).

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng *sơ đồ 1.2*



Sơ đồ 1.2 - Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

➤ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của Tài khoản 632 như sau:

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
 - Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.
 - Việc tính giá hàng xuất kho được áp dụng theo một trong bốn phương pháp sau:
 - Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.
 - Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể

được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước - xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau - xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

* Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán còn sử dụng TK 631 “Giá thành sản xuất”, TK 611 “Mua hàng”.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát bằng *sơ đồ 1.3* và *sơ đồ 1.4*

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

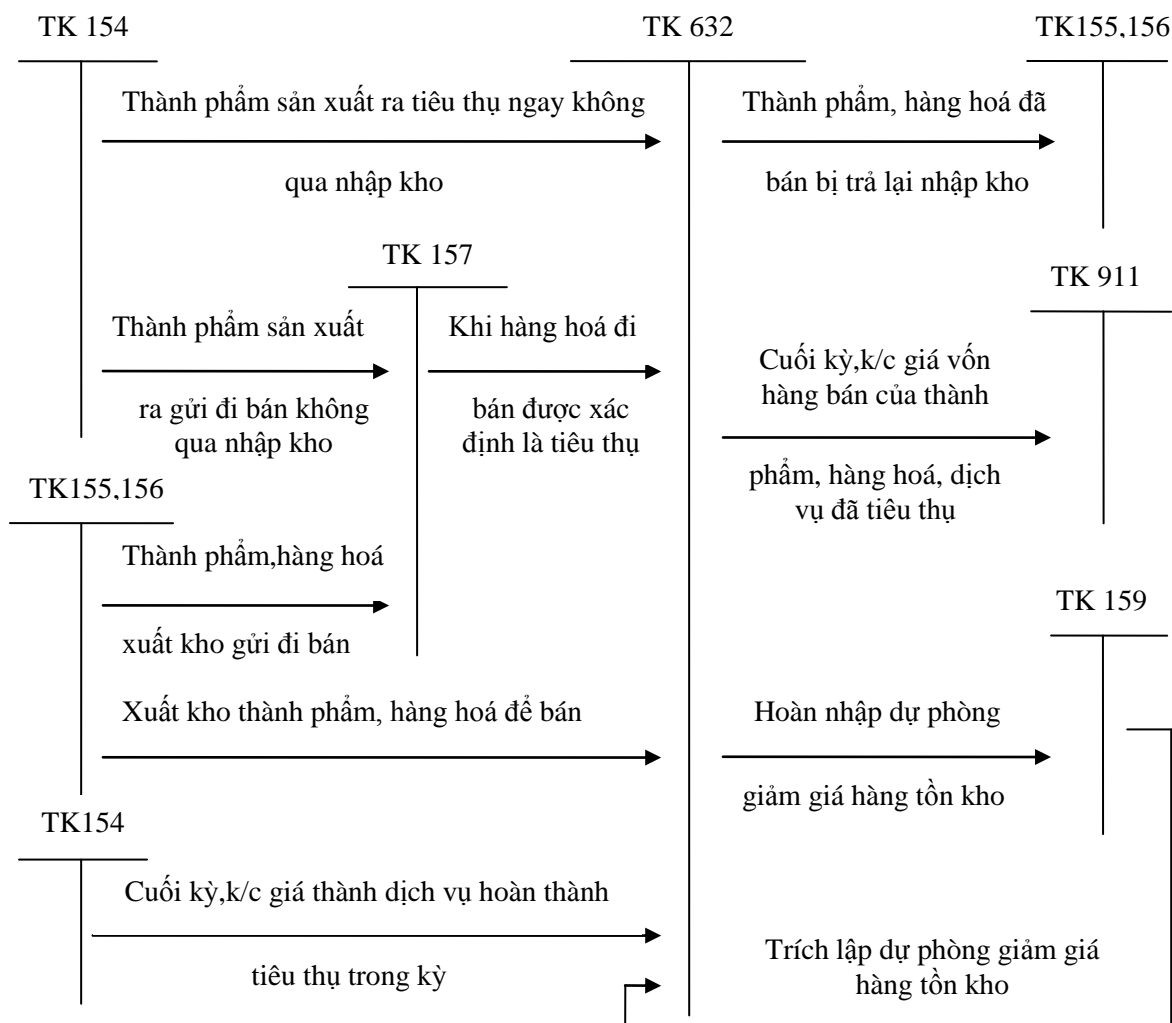
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

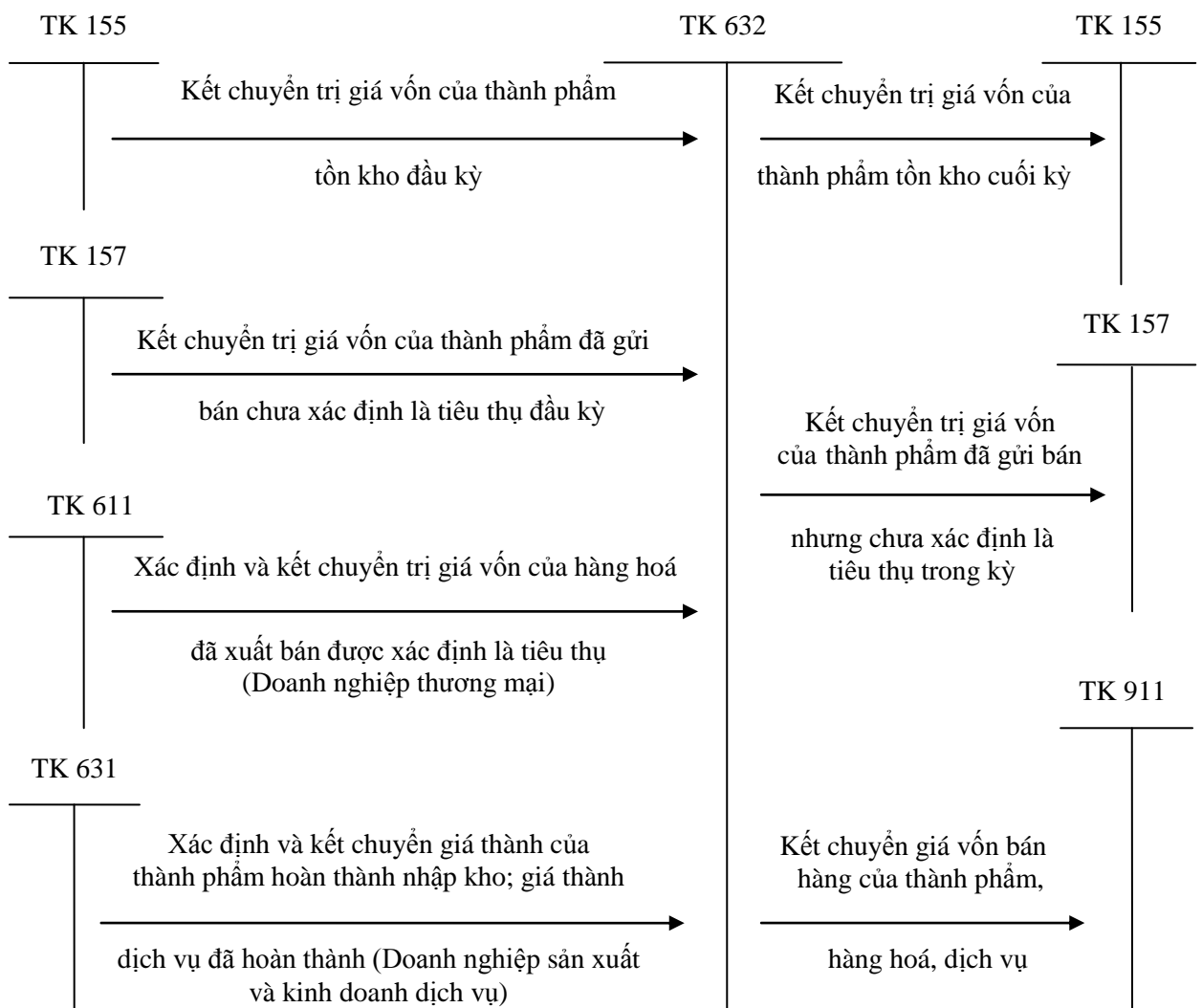
❖ TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.



Sơ đồ 1.3- Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

- Bên Nợ:
 - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.
- Bên Có:
 - Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
 - Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.
 - Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:
 - TK 6411 - Chi phí nhân viên
 - TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
 - TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK 6415 - Chi phí bảo hành



Sơ đồ 1.4 - Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác
- ❖ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:
 - TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
 - TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
 - TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
 - TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
 - TK 6426 - Chi phí dự phòng
 - TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng *sơ đồ 1.5*

1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.

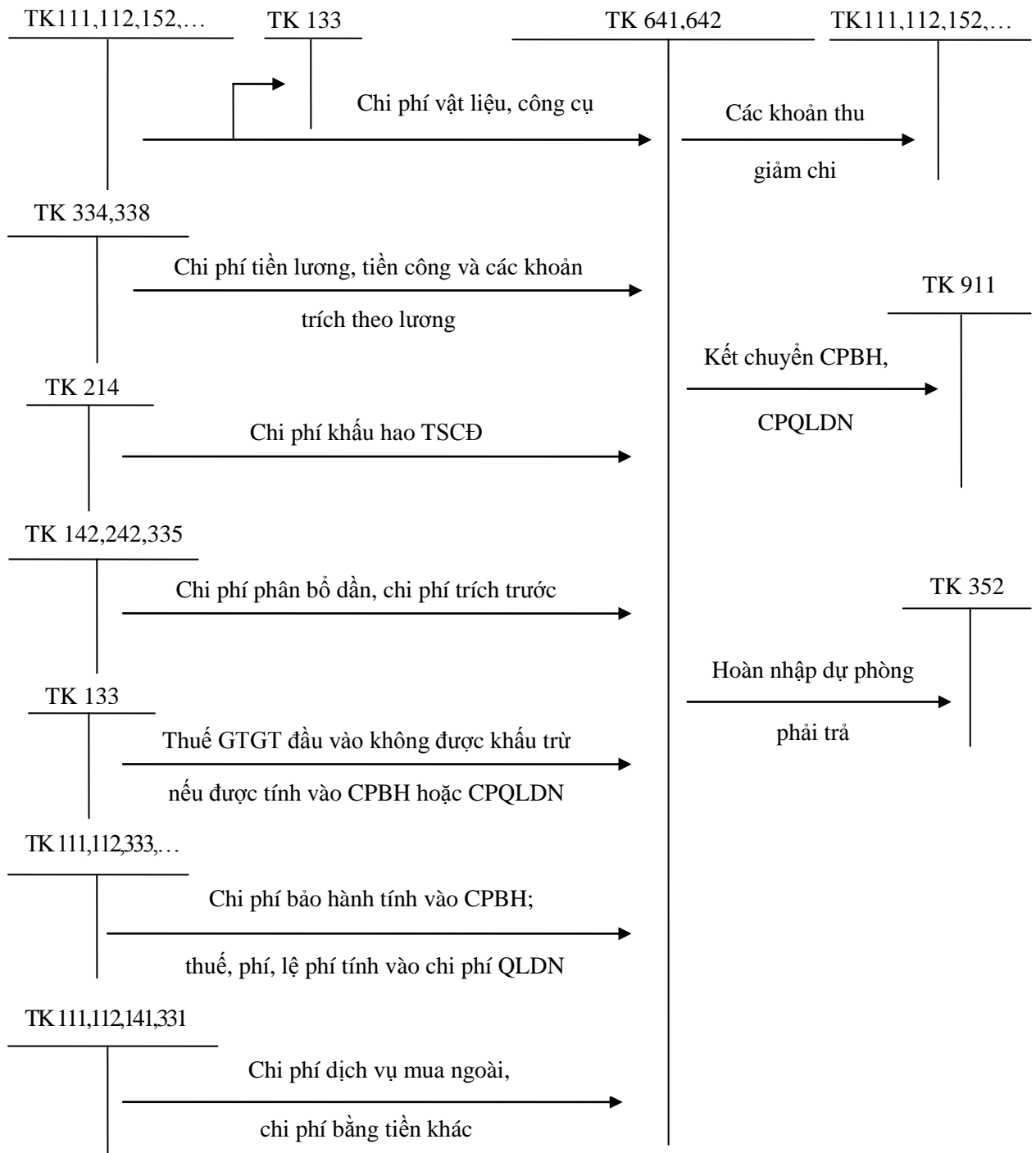
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ TK 515 – Doanh thu tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Bên Nợ:
 - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
 - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên Có:
 - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
 - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng.
 - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.



Sơ đồ 1.5 - Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.

- Lỗ bán ngoại tệ.

- Chiết khấu thanh toán cho người mua

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ

có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư

XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để

xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng *sơ đồ 1.6*

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

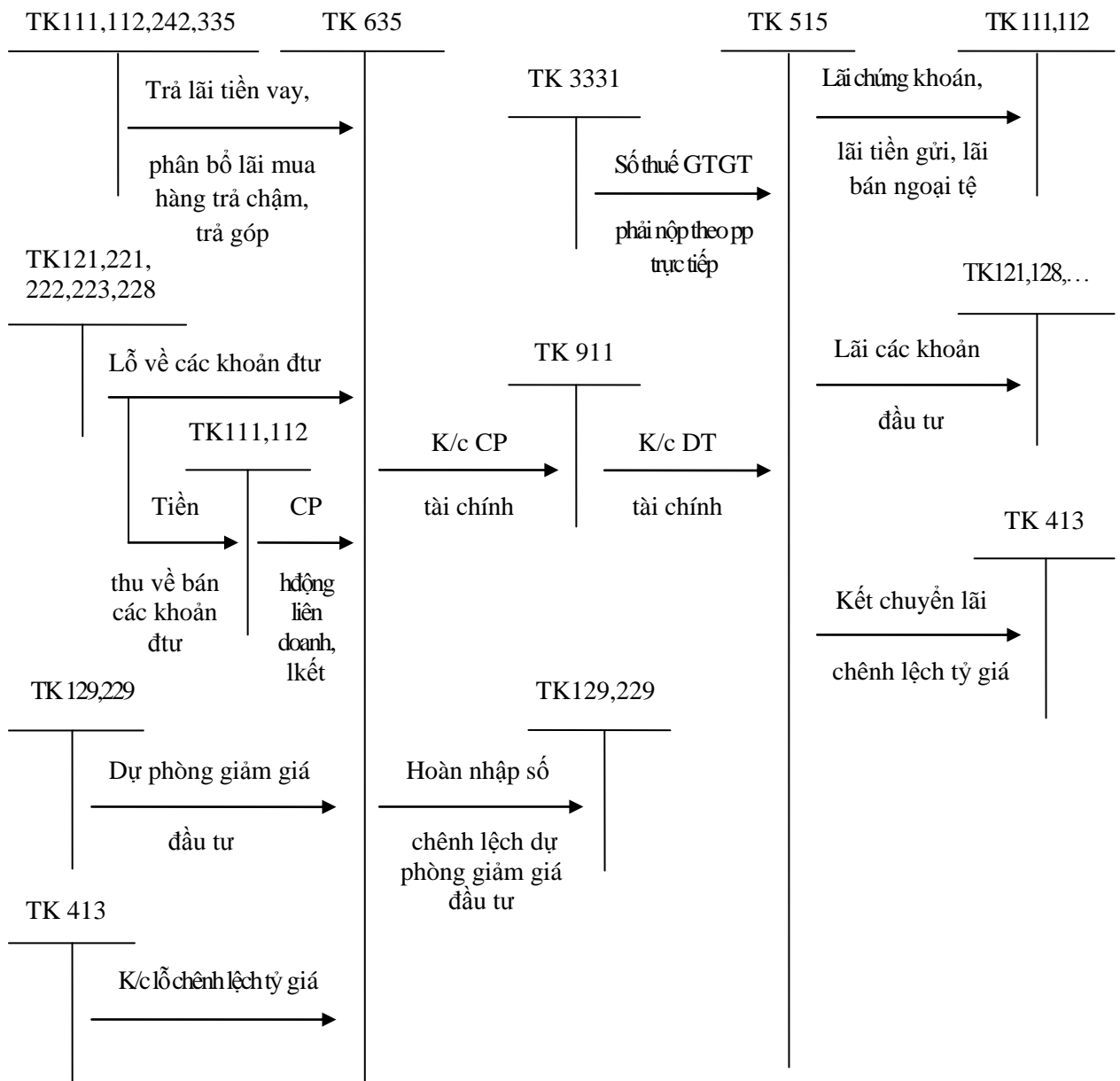
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi

- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định

- Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan



Sơ đồ 1.6 - Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

❖ TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí được khái quát bằng sơ đồ 1.7

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

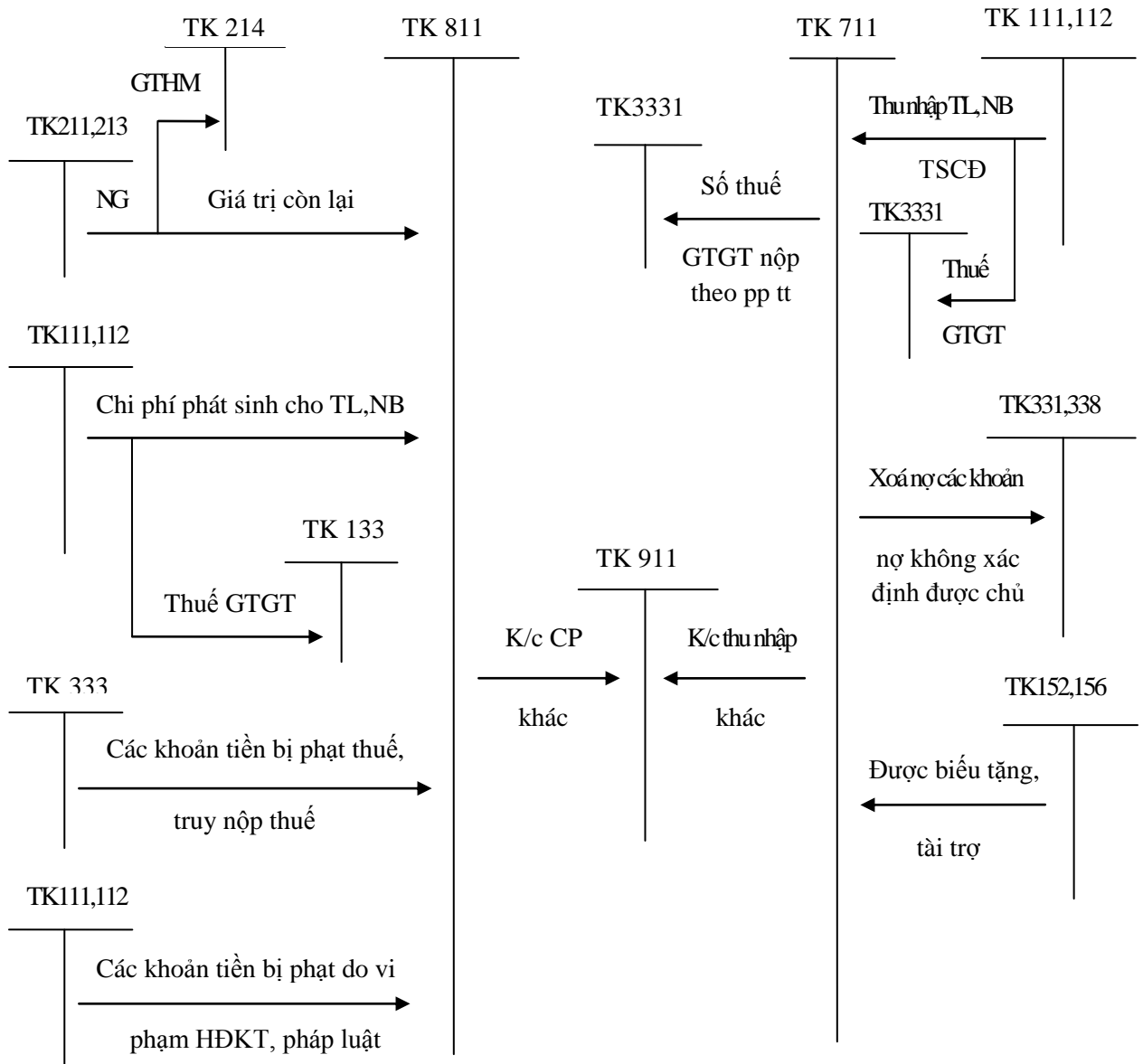
➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.



Sơ đồ 1.7 - Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

➤ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

❖ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

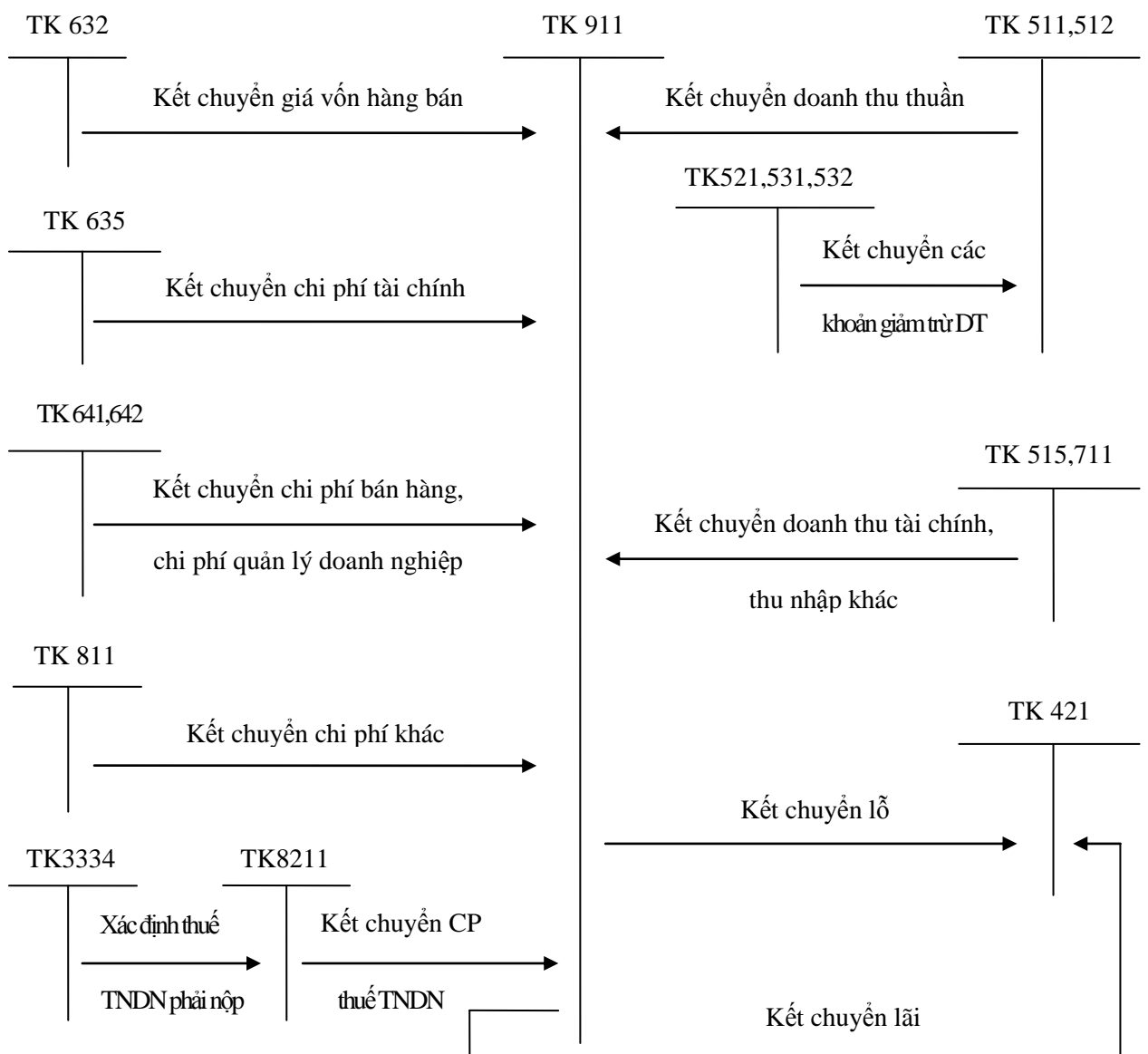
➤ Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
 - Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
 - Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
 - Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:
 - TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8 - Kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Tên doanh nghiệp: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thanh niên**

Tên giao dịch quốc tế: **Youth One Member Limited Company**

Trụ sở chính: Số 2/20 Trần Hưng Đạo - Hồng Bàng - Hải Phòng

Loại hình công ty: Công ty TNHH một thành viên

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Mã số thuế: 0200170961

Điện thoại: (0313) 745 472 – 746 888

Fax: 0313 810 289

Tài khoản ngân hàng: 102010000212454

tại Ngân hàng Công thương Hồng Bàng, Hải Phòng

Công ty TNHH một thành viên Thanh niên tiền thân là Tổng đội Thanh niên xung phong xây dựng kinh tế Thành phố được thành lập ngày 14 tháng 7 năm 1988 theo quyết định số 744/QĐ-TCCQ của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về mô hình tổ chức, từ mô hình Tổng đội gồm 5 đơn vị, đến tháng 3 năm 1993 đã sát nhập và thành lập doanh nghiệp lấy tên là Công ty xây dựng Thanh niên xung phong Hải Phòng, tháng 10 năm 2000 đổi tên là Công ty xây dựng và sản xuất giày TNXP Hải Phòng. Ngày 12 tháng 4 năm 2007, công ty đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thanh niên.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc:

1. Xí nghiệp xây dựng Thanh niên
2. Xí nghiệp xây dựng 30-4
3. Xí nghiệp xây dựng 26-3
4. Xí nghiệp xây dựng 13-5

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Công ty TNHH một thành viên Thanh niên là Công ty xây dựng, do đó Giám đốc là người điều hành hoạt động chung của Công ty.

Phòng Dự án - Kỹ thuật có trách nhiệm liên hệ tìm các hợp đồng, tìm các thông tin về đấu thầu xây dựng, triển khai hồ sơ dự thầu và trực tiếp tham gia đấu thầu công trình.

Phòng Tài chính - Kế toán làm nhiệm vụ cung cấp tài chính cho nhà thầu và làm thủ tục bảo lãnh cho công trình tham gia đấu thầu.

Phòng Tổ chức – Hành chính cung cấp về lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động cho công nhân tại các công trình thi công.

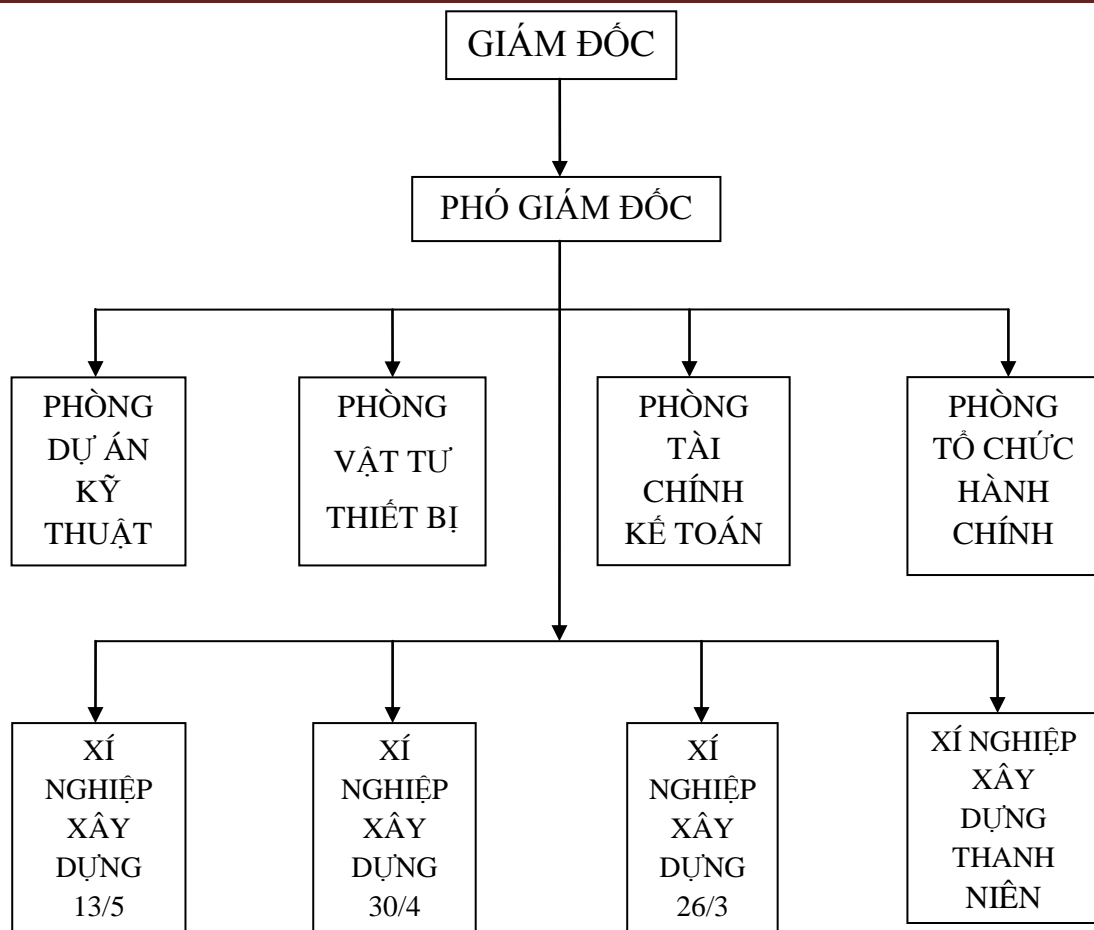
Sau khi trúng thầu Công ty chỉ đạo 1 xí nghiệp trực tiếp tham gia thi công công trình vừa trúng thầu. Lương của các công nhân thi công công trình được các đơn vị xây dựng trực tiếp theo dõi chấm công, hạch toán lương rồi gửi lên phòng Tài chính - Kế toán. Phòng Tài chính - Kế toán sẽ thanh toán tiền cho các đơn vị để các đơn vị tự trả lương cho người lao động. Hoàn tất công trình, Công ty bàn giao cho chủ đầu tư nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng nhà ở.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Nhận thầu thi công công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, công trình giao thông (gồm công trình cầu, đường, cống), san lấp mặt bằng, cấp thoát nước, khai thác tài nguyên (đất, đá), xây dựng công trình ngầm dưới nước, dưới đất.
- Lắp đặt cáp và mạng thông tin, cáp điện lực.
- Xây dựng thi công các công trình đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35KV trở xuống.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên Thanh niên được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng và được khái quát bằng *sơ đồ 2.1*



Sơ đồ 2.1 – Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH MTV Thanh niên

* Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

- Giám đốc: là người lãnh đạo cao nhất trong Công ty, là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và trước pháp luật về quản lý con người, tài sản và tổ chức sản xuất kinh doanh. Quyết định của Giám đốc là cao nhất, các đơn vị có trách nhiệm thực hiện và báo cáo kết quả.

- Phó Giám đốc: là người tham mưu và thay mặt Giám đốc lãnh đạo Công ty lúc Giám đốc vắng mặt.

- Phòng Tổ chức – Hành chính: quản lý nguồn nhân lực, soạn thảo các văn bản về đối nội, đối ngoại, kiểm soát các giấy tờ lưu chuyển trong Công ty. Cung cấp các thiết bị văn phòng, xây dựng hệ thống thông tin, chịu trách nhiệm các vấn đề hành chính, đối nội, đối ngoại.

- Phòng Tài chính - Kế toán: quản lý hạch toán kinh doanh và quản lý tài chính, lập và theo dõi kế hoạch tài chính, phân tích hoạt động. Quản lý vốn, thanh toán các khoản với Nhà nước, thực hiện đúng chế độ kế toán.

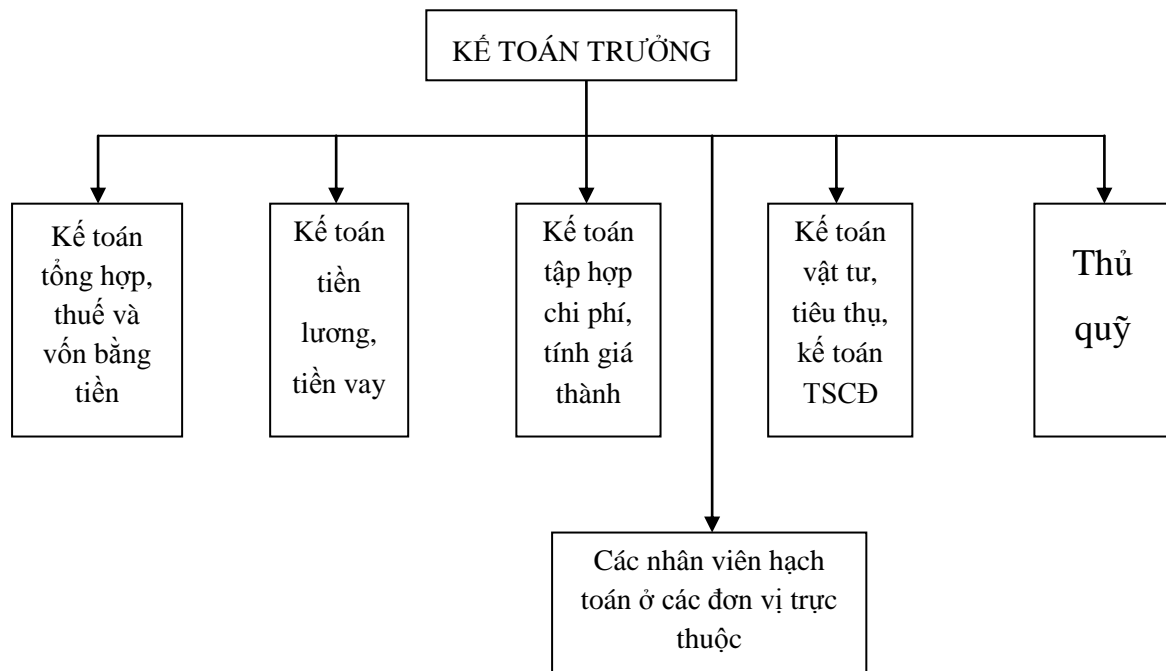
- Phòng Dự án - Kỹ thuật: nắm bắt thông tin về các công trình để tham gia đấu thầu, lập hồ sơ dự thầu, kiểm tra, chỉ đạo công tác kỹ thuật thi công, giám sát và nghiệm thu công trình.

- Phòng Vật tư thiết bị: là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp Giám đốc quản lý định mức nguyên liệu, vật tư cho các công trình xây dựng.

- Các xí nghiệp trực thuộc Công ty: thực hiện chức năng đảm nhận thi công các công trình xây dựng.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2 - Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH MTV Thanh niên

Theo như mô hình trên thì công tác báo cáo tài chính kế toán được thực hiện hợp nhất tại phòng Tài chính - Kế toán. Các xí nghiệp thành viên bố trí nhân viên kế toán thu thập, ghi chép số liệu và hạch toán riêng cho hoạt động của các xí nghiệp mình.

- Kế toán trưởng: phụ trách chung toàn bộ công tác kế toán.
- Kế toán tổng hợp kiêm kế toán vốn bằng tiền và kế toán thuế: phụ trách hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, tổng hợp các nghiệp vụ báo cáo thuế.
- Kế toán tiền lương, tiền vay: theo dõi và tính lương, phụ trách các khoản vay, kế hoạch vay và trả nợ.
- Thủ quỹ: quản lý tiền mặt tại quỹ, theo dõi việc xuất - nhập tiền mặt.
- Kế toán vật tư, tiêu thụ kiêm kế toán TSCĐ: theo dõi vật tư các công trình xây dựng, hạch toán bàn giao công trình, phụ trách theo dõi biến động tăng, giảm TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao.
- Kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành: tập hợp chi phí xây dựng các công trình, xác định giá thành.
- Các nhân viên hạch toán ở các đơn vị trực thuộc: hạch toán kế toán riêng cho đơn vị mình.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.

Công ty TNHH một thành viên Thanh niên tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006//QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.

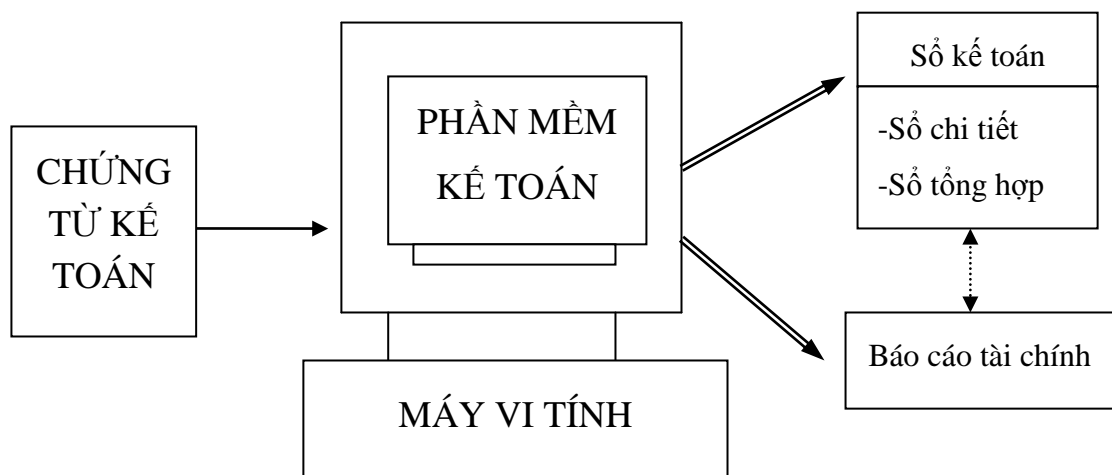
Công ty TNHH một thành viên Thanh niên tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006//QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty TNHH một thành viên Thanh niên áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy vi tính. Phần mềm kế toán Công ty sử dụng là 3S Accounting do Công ty giải pháp phần mềm ITG Việt Nam cung cấp.

Phần mềm 3S Accounting 7.0 chia làm nhiều phân hệ kế toán, bao gồm các phân hệ như: *Quản lý tài chính, Quản lý chi phí và tính giá thành, Quản lý TSCĐ, Quản lý bán hàng, Quản lý mua hàng, Quản lý hàng tồn kho và Quản trị hệ thống.*

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy được khái quát bằng **sơ đồ 2.3**



Sơ đồ 2.3 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

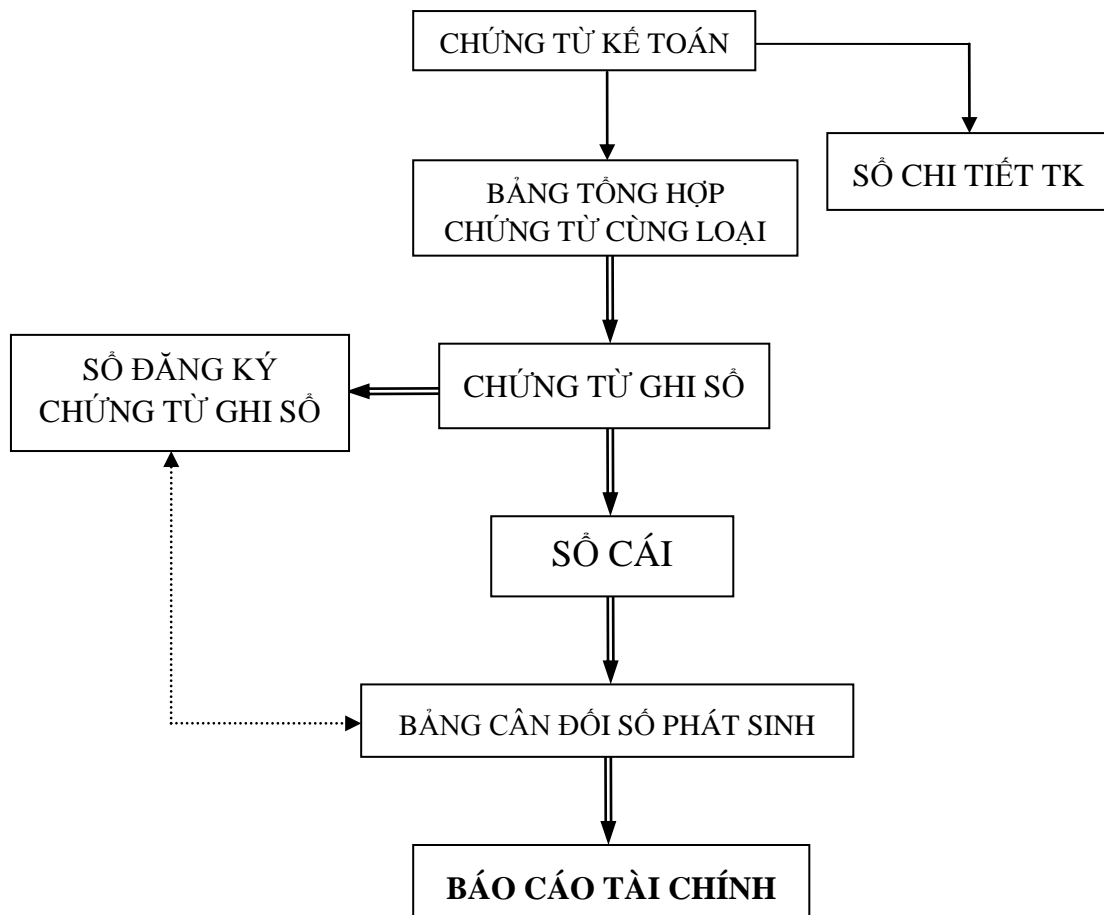
- > Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- <-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán viên căn cứ vào chứng từ kế toán tiến hành nhập vào phần mềm. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, kế

toán thực hiện thao tác khoá sổ kế toán và in các sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo thuế để tiến hành việc lưu trữ.

Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết luôn được thực hiện tự động, kế toán có thể đối chiếu, kiểm tra số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Quy trình ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính được khái quát bằng *sơ đồ 2.4*



Sơ đồ 2.4 – Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH MTV Thanh niên

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán nhập số liệu vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động vào các sổ kế toán chi tiết.

Cuối kỳ, kế toán vào phân hệ *Quản lý tài chính/ Kế toán tổng hợp/ Sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ/ Đăng ký số chứng từ ghi sổ* để tiến hành khai báo số của các chứng từ ghi sổ, nội dung của Chứng từ ghi sổ, tài khoản, ghi Nợ hay Có cho tài khoản, phần mềm sẽ tự động

lọc các chứng từ phù hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, sau đó sẽ tự động vào các Chứng từ ghi sổ. Từ các Chứng từ ghi sổ, phần mềm sẽ chuyển số liệu vào các Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Sổ cái, phần mềm sẽ tổng hợp để vào Bảng cân đối phát sinh, sau đó lên Báo cáo tài chính. Các chứng từ ghi sổ được lập theo quý.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành in sổ kế toán tổng hợp và chi tiết để lưu trữ.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá xuất kho là theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn và tính thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch, kỳ kế toán được quy định là một quý.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thanh niên bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

Công ty lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.

2.2.1.1. Nội dung của doanh thu tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Doanh thu chủ yếu của Công ty TNHH MTV Thanh niên là từ các công trình xây dựng. Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ là bán hàng trực tiếp. Sau khi trúng thầu, bên mua ký hợp đồng xây dựng với Công ty, Công ty căn cứ vào hợp đồng để có kế hoạch sản xuất và cung ứng kịp thời.

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp sau: khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên Hoá đơn đã lập.

Công ty sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng:

- Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán lập Hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên, liên 1 màu tím để lưu, liên 2 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 3 màu xanh dùng để hạch toán nội bộ. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán tiến hành nhập vào phần mềm Phiếu thu và in Phiếu thu.

- Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng, kế toán tiến hành viết Hóa đơn GTGT, ghi nhận doanh thu. Khi nhận được Hóa đơn GTGT, khách hàng sẽ tiến hành chuyển tiền qua ngân hàng, và Công ty sẽ nhận được Giấy báo có và Sổ phụ từ ngân hàng về số tiền đã thanh toán của khách hàng.

2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có và Sổ phụ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.1.3. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

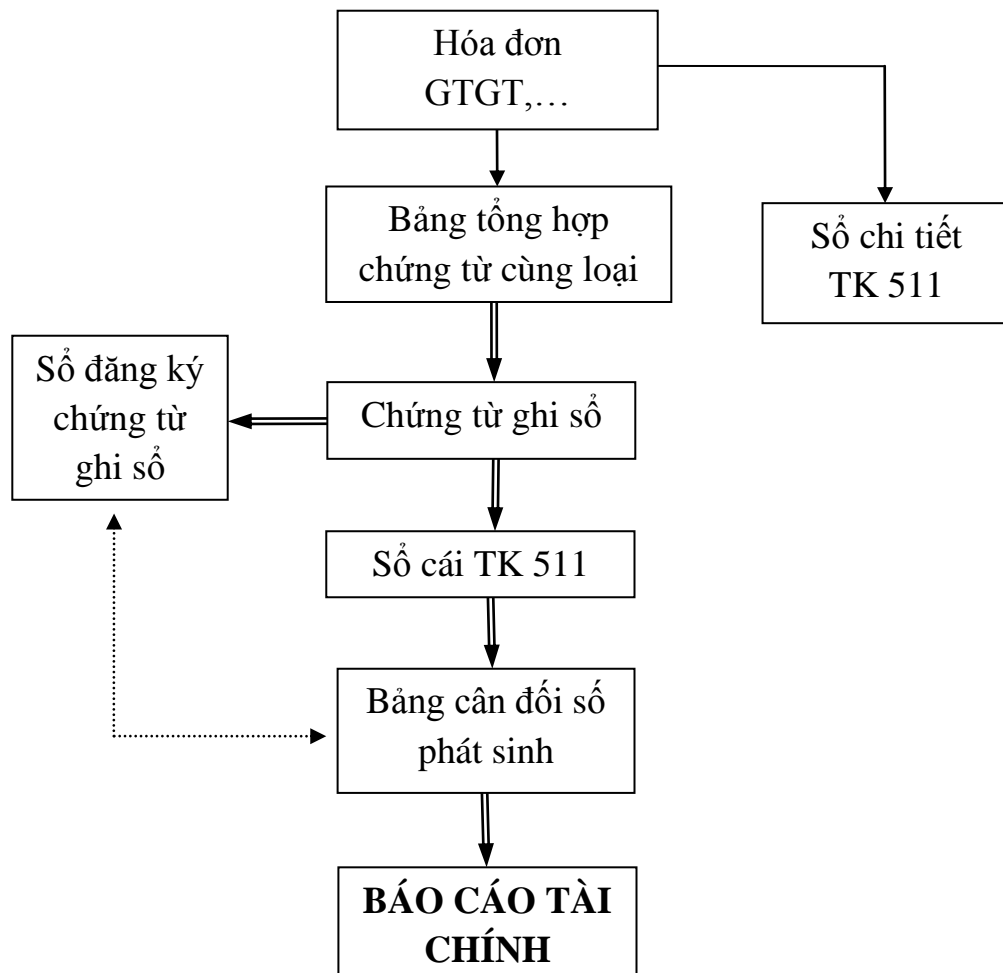
Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.5

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT xuất cho người mua hàng, kế toán nhập vào phần mềm thông qua phân hệ *Quản lý bán hàng/ Cập nhật số liệu*, khi đó xuất hiện màn hình giao diện như *Màn hình số 01*. Kế toán tiếp tục chọn mục *Hoá đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho*, khi đó xuất hiện màn hình giao diện như *Màn hình số 02*.

Cuối quý, số liệu được tự động tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, sau đó vào Chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Kế toán có thể theo dõi tình hình bán hàng thông qua mục Báo cáo bán hàng với các sổ sau : Bảng kê hóa đơn bán hàng, Bảng kê hoá đơn của một mặt hàng, Bảng kê hoá đơn theo nhóm khách hàng, Bảng kê hoá đơn theo nhóm hợp đồng vụ việc,...

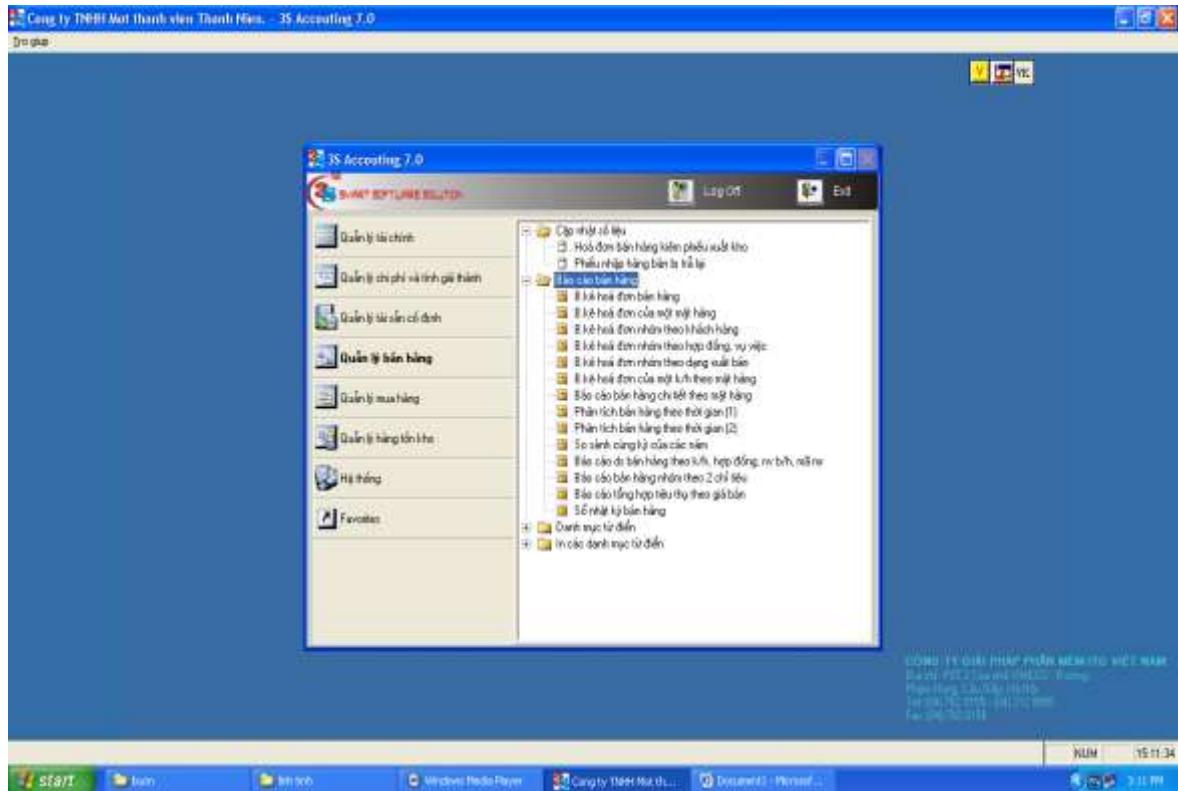
Cuối năm, kế toán in sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.



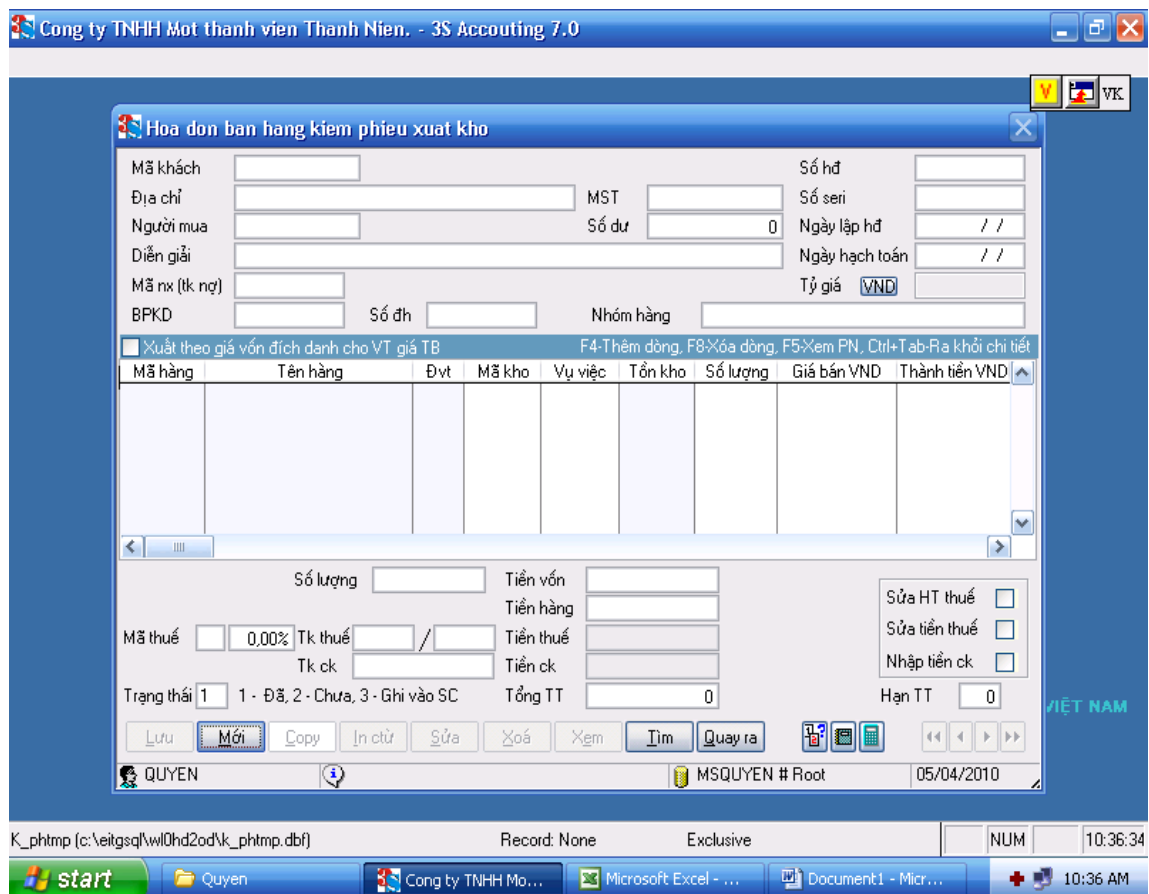
Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại

Công ty TNHH MTV Thanh niên

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra



Màn hình 01 – Quy trình nhập hoá đơn bán hàng



Màn hình 02 – Hoá đơn bán hàng

Cách nhập cho Hoá đơn bán hàng:

- Mã khách: mã của khách hàng, lựa chọn trong danh mục khách hàng.
- Địa chỉ: là địa chỉ của khách hàng có mã ở trên.
- Mã số thuế: là mã số thuế của khách hàng.
- Người mua: tên của người mua.
- Diễn giải: nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Mã nx (Tài khoản nợ): TK 131.
- Số hoá đơn, số seri được ghi trên hoá đơn bán hàng.
- Ngày lập chứng từ: là ngày cập nhật hoá đơn bán hàng.
- Ngày hạch toán: là ngày ghi trên hoá đơn.
- Nhóm hàng: tên của nhóm hàng bán.
- Mã hàng, tên hàng, đơn vị tính là mã, tên của mặt hàng bán.
- Nhập số lượng, giá bán, chương trình sẽ tính ra thành tiền.
- Mã thuế: là mã ứng với thuế suất thuế GTGT 0%, 5%, 10%.
- Tài khoản thuế: Nợ TK 131/ Có TK 3331.

Sau đó lưu chứng từ.

2.2.1.4. Ví dụ minh họa.

Ngày 15/12/2009, hoàn thành việc lắp đặt cầu thang máy nâng hàng, Công ty TNHH giày Stateway Việt Nam thanh toán tiền qua Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương.

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0087566 (*Biểu số 2.1*), Công ty TNHH giày Stateway Việt Nam chuyển tiền qua ngân hàng, Công ty nhận được Sổ phụ ngày 15/12 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương Hải Phòng (*Biểu số 2.2*) thông báo về số tiền đã nhận được, kế toán tiến hành nhập vào phần mềm, bút toán định khoản như sau:

Nợ TK 131 : 226.200.000

Có TK 511 : 205.636.364

Có TK 3331: 20.563.636

Nợ TK 11214 : 226.200.000

Có TK 131 : 226.200.000

- Cuối quý, số liệu sẽ được tự động tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ (*Biểu số 2.3*), từ đó vào Chứng từ ghi sổ số 113 (*Biểu số 2.4*), Sổ cái TK 511 (*Biểu số 2.5*), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (*Biểu số 2.9*). Đồng thời, số liệu cũng tự động chạy vào các Sổ chi tiết TK 511 (*Biểu số 2.6*), Sổ chi tiết TK 131 (*Biểu số 2.7*), Sổ chi tiết TK 11214 (*Biểu số 2.8*).

- Cuối năm, kế toán tiến hành in báo cáo tài chính.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			MU/2009B		
Liên 3: Nội bộ			0087568		
Ngày 15 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH một thành viên Thanh niên					
Địa chỉ: Số 2/20 Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản: 701270406000465					
Điện thoại: 0313.745472			MS: 0200170961		
Họ tên người mua hàng: Bùi Văn Chung					
Tên đơn vị: Công ty TNHH giày Stateway Việt Nam					
Địa chỉ: Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng					
Số tài khoản: 001250053000541					
Hình thức thanh toán: CK			MS: 0200664488		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Xây dựng tầng 2 phân xưởng hoàn chỉnh	đồng			205.636.364,
				
				
				
		Cộng tiền hàng:		205.636.364,	
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		20.563.636,	
		Tổng cộng tiền thanh toán:		226.200.000,	
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.1 – Hoá đơn GTGT số 0087568

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG
HẢI PHÒNG
---oOo---

Trang : 23/30

SỔ PHỤ
Ngày 15/12/2009

Sổ chi tiết tài khoản
Statement of Account For

CÔNG TY TNHH MTV THANH NIÊN

Số Tài Khoản : 701270406000465
A/C No.

Loại TK/Loại Tiền: 692 VND
Type/Ccy

Số dư đầu ngày 15/12/2009 : 0.00
Opening Balance as of

So CT Seq.No	Ngày GD Tran Date	Ngày H.Luc Effect Date	Loai GD Tran	Số Séc/ref Cheque No./Ref	PS Nợ Withdrawal	PS Có Deposit	Nội dung Remarks
173265115	15/12/2009	15/12/2009	CP	0000022586	0.00	226.200.000	CTTNHH GiayStateway Vnam thanh toán theo HD 0087568

Doanh số giao dịch : 0.00 226.200.000
Transaction Summary
Số dư cuối ngày 15/12/2009 : 226.200.000
Ending Balance as of

Biểu số 2.2 - Sổ phụ ngày 15/12/2009 NH TMCP Sài Gòn công thương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi Có các TK	
Số hiệu	Ngày			TK 3331	TK 511
...
HD87566	15/12/09	Lắp đặt cầu thang nâng hàng	285.000.000	25.909.091	259.090.909
HD87567	15/12/09	Xây lắp nhà cầu nổi XNG	245.000.000	22.272.727	222.727.273
HD87568	15/12/09	Tầng 2 PX hoàn chỉnh	226.200.000	20.563.636	205.636.364
...
		Tổng cộng	31.850.411.007	2.895.491.910	28.954.919.097

Biểu số 2.3 - Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

CHỨNG TỪ GHISỔ

Số: 113

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	2.895.491.910	
Doanh thu bán hàng và cc dvụ	131	511	28.954.919.097	

Tổng cộng 31 850 411 007

Lập, ngày....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4 - Chứng từ ghi sổ số 113

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
31/12/09	113	Phải thu của KH	131		28.954.919.097
31/12/09	128	Kết chuyển DT Q4	911	28.954.919.097	

Tổng phát sinh nợ: 28 954 919 097

Tổng phát sinh có: 28 954 919 097

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.5 - Sổ cái TK 511

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
...
12/12/09	HD87562	31/12/09	113	KH00262	Lắp cửa sổ trường THPT TPhú	131		17.630.909
15/12/09	HD87563	31/12/09	113	KH00260	C.Bể cầu CLược Hòa Bình	131		294.545.455
15/12/09	HD87564	31/12/09	113	KH00240	Ngâm hóa mạng dây cáp	131		410.909.091
15/12/09	HD87565	31/12/09	113	KH00120	Tầng 3 trường tiểu học ĐLâm	131		345.454.545
15/12/09	HD87566	31/12/09	113	KH00231	Lắp đặt cầu thang máy nâng hàng	131		259.090.909
15/12/09	HD87567	31/12/09	113	KH00241	Xây lắp nhà cầu nội XNG	131		222.727.273
15/12/09	HD87568	31/12/09	113	KH00216	XD tầng 2 PX hoàn chỉnh	131		205.636.364
...
31/12/09	PKT311	31/12/09	128		Kết chuyển doanh thu Quý 4	911	28.954.919.097	

Tổng phát sinh nợ: 28 954 919 097

Tổng phát sinh có: 28 954 919 097

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.6 - Sổ chi tiết TK 511

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng
 Từ ngày: 01/12/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư nợ đầu kỳ: 5 252 840

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
...
15/12/09	SP15HB	31/12/09	111	NHHBANG	Khách hàng thanh toán tiền CT	11211		245.000.000
15/12/09	HD87567	31/12/09	113	KH00241	Xây lắp nhà cầu nội XNG	511	222.727.273	
15/12/09	HD87567	31/12/09	113	KH00241	Thuế GTGT đầu ra	3331	22.272.727	
15/12/09	SP15SG	31/12/09	111	NHSAIGON	CTy TNHH giày Stateway t.toán	11214		226.200.000
15/12/09	HD87568	31/12/09	113	KH00216	XD tầng 2 PX hoàn chỉnh	511	205.636.364	
15/12/09	HD87568	31/12/09	113	KH00216	Thuế GTGT đầu ra	3331	20.563.636	
16/12/09	SP16HB	31/12/09	111	NHHBANG	Khách hàng thanh toán tiền	11211		509.400.000
...

Tổng phát sinh nợ: 31 850 411 007

Tổng phát sinh có: 31 584 524 000

Số dư nợ cuối kỳ: 271 139 847

Lập, ngày... tháng... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7 - Sổ chi tiết TK 131

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 11214 - Tiền gửi ngân hàng Sài Gòn

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư nợ đầu kỳ: 200 000

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
...
15/12/09	SP15SG	31/12/09	111	NHSAIGON	CTy TNHH giày Stateway t.toán	131	226.200.000	
...
24/12/09	SP24SG	31/12/09	110	NHSAIGON	Ký quỹ dự án di dân Khe sâu	1442		16.923.200
24/12/09	UNC105	31/12/09	112	NHSAIGON	Phí ký quỹ dự án di dân Khe sâu	6428		3.790.797
24/12/09	UNC105	31/12/09	112	NHSAIGON	Phí ký quỹ dự án di dân Khe sâu	1331		379.080
25/12/09	PC66	31/12/09	110	NHSAIGON	Nộp tiền vào ngân hàng	1111	92.000.000	
25/12/09	UNC83	31/12/09	111	NHSAIGON	NH trả lãi tiền gửi	515	6.206	
26/12/09	SP26SG	31/12/09	112	NHSAIGON	Ký quỹ nâng cấp đường DL ĐS	1442		75.231.500
...

Tổng phát sinh nợ: 3 481 862 206

Tổng phát sinh có: 1 427 069 093

Số dư nợ cuối kỳ: 2 054 993 113

Biểu số 2.8 - Sổ chi tiết TK 11214

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
109	31/12/09	Thu tiền mặt	30.377.892.505
110	31/12/09	Chi tiền mặt	30.003.452.289
111	31/12/09	Thu từ tiền gửi ngân hàng	30.533.025.863
112	31/12/09	Chi từ tiền gửi ngân hàng	3.613.412.444
113	31/12/09	Phải thu của khách hàng	31.850.411.007
114	31/12/09	Thuế GTGT đầu vào	497.102.603
115	31/12/09	Kết chuyển thuế đầu vào	2.173.805.860
116	31/12/09	Phải thu khác	395.201.924
117	31/12/09	Hao mòn TSCĐ	117.138.842
118	31/12/09	Tạm ứng	10.805.945.625
119	31/12/09	Hoàn ứng	7.389.673.711
120	31/12/09	Chi phí SXKD	27.832.651.229
121	31/12/09	Kết chuyển chi phí SXKD Quý 4	26.968.972.494
122	31/12/09	Vay ngắn hạn	21.772.800
123	31/12/09	Phải trả người bán	2.505.080.199
124	31/12/09	Thuế phải nộp	28.655.000
125	31/12/09	Phải trả cán bộ công nhân viên	207.496.593
126	31/12/09	Phải trả, phải nộp khác	21.506.805
127	31/12/09	Lợi nhuận quý IV/ 2009	197.499.240
128	31/12/09	Kết chuyển doanh thu Quý 4	28.954.919.097
129	31/12/09	K/c doanh thu tài chính Quý 4	10.136.159
130	31/12/09	K/c giá vốn Quý 4	26.968.972.494
131	31/12/09	K/c chi phí tài chính Quý 4	350.223.619
132	31/12/09	K/c chi phí QLDN Quý 4	1.448.359.903
Tổng cộng:			276 308 547 405

Biểu số 2.9 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.

2.2.2.1. Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.

Giá vốn được xác định sau khi nhận doanh thu, căn cứ vào giá thành thực tế tương ứng của công trình xây dựng.

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh

2.2.2.3. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Thanh niên được khái quát bằng sơ đồ 2.6.

Sau khi ghi nhận doanh thu, kế toán xác định giá vốn hàng bán căn cứ vào mức độ hoàn thành công trình, sau đó kế toán tiến hành nhập vào phần mềm thông qua phân hệ *Quản lý tài chính/ Kế toán tổng hợp/ Cập nhật số liệu*, khi đó xuất hiện màn hình giao diện như *Màn hình số 03*. Kế toán tiếp tục chọn mục *Phiếu kế toán*, màn hình giao diện xuất hiện như *Màn hình số 04*.

Cách nhập Phiếu kế toán:

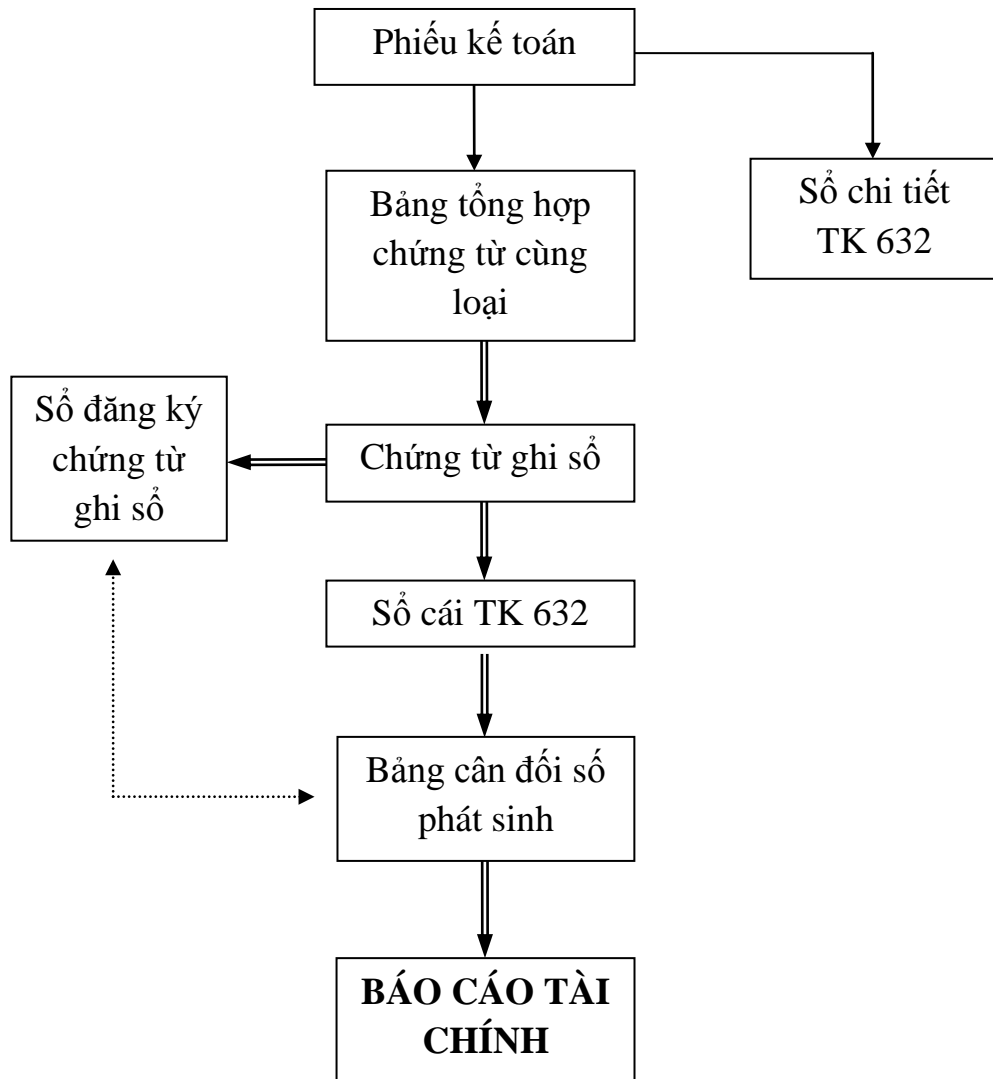
- Mã đơn vị: là mã của công ty.
- Số chứng từ: do chương trình tự động đánh số hoặc có thể gõ lại.
- Ngày lập chứng từ: là ngày nhập phiếu kế toán.
- Ngày hạch toán: là ngày phát sinh nghiệp vụ.
- Ghi tài khoản phát sinh nợ, sau đó ghi tài khoản phát sinh có.
- Mã khách: mã của khách (nếu có).
- Tên khách: tên của khách có mã ở trên.
- Phát sinh nợ: là số tiền tương ứng với tài khoản phát sinh nợ.
- Phát sinh có: là số tiền tương ứng với tài khoản phát sinh có.
- Diễn giải: nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sau đó lưu chứng từ.

Khi kế toán tiến hành nhập xong dữ liệu, số liệu tự động chạy vào các sổ kế toán chi tiết.

Cuối quý, số liệu được tự động tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, sau đó vào Chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

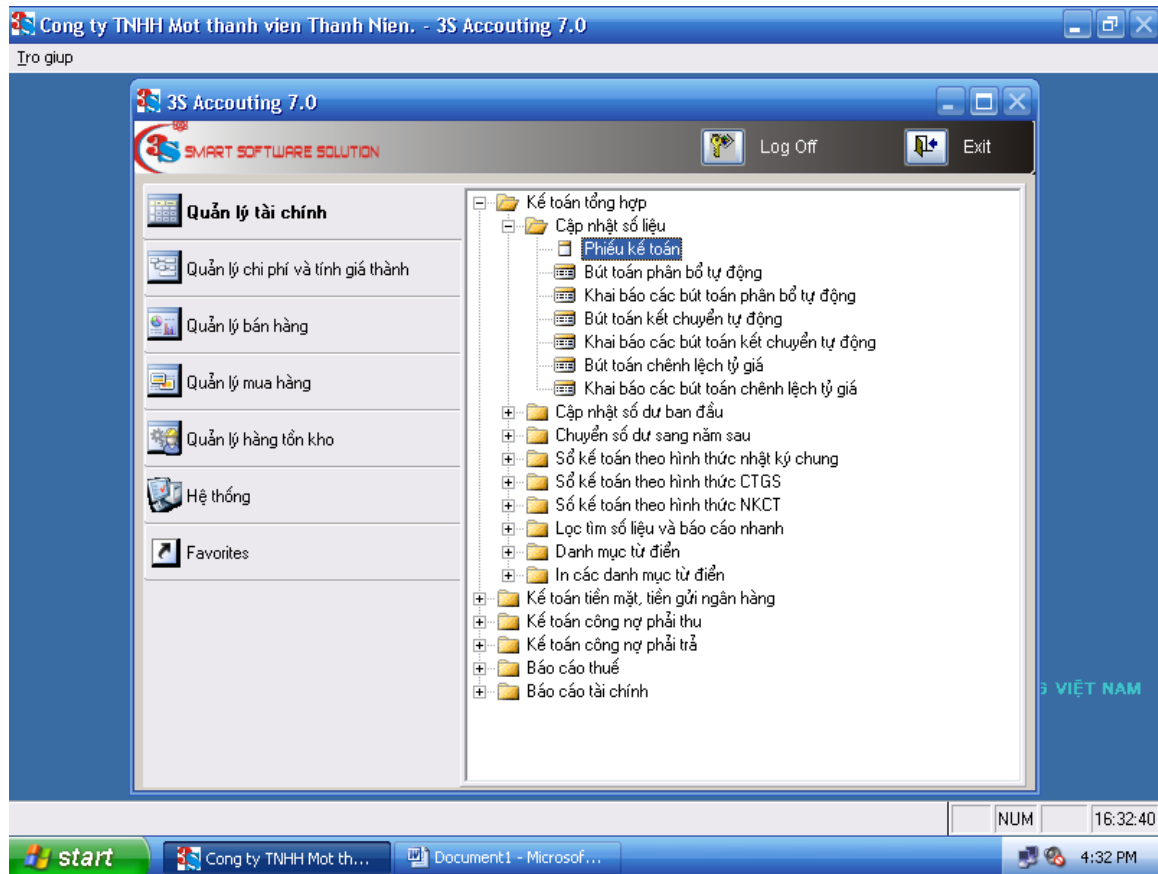
Cuối năm, kế toán in sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.



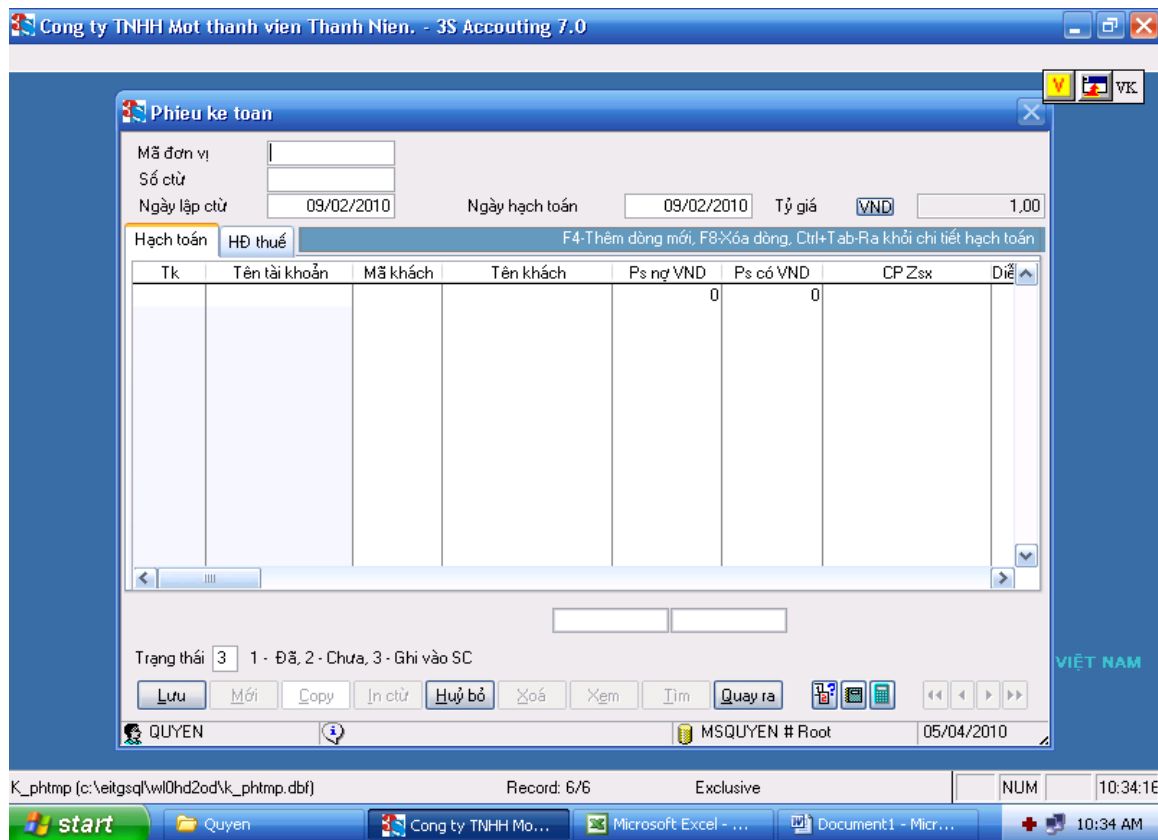
Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV

Thanh niên

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra



Màn hình 03 – Quy trình nhập phiếu kế toán



Màn hình 04 - Phiếu kế toán

2.2.2.4. Ví dụ minh họa.

Lấy tiếp ví dụ phần doanh thu bán hàng: cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng cho công trình Tầng 2 phân xưởng hoàn chỉnh, kế toán phản ánh giá vốn.

- Kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 301 trên máy (Biểu số 2.10).

- Cuối quý, số liệu được tự động tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại (Biểu số 2.11), sau đó vào Chứng từ ghi sổ số 121 (Biểu 2.12), Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.13), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ quý IV năm 2009 (Biểu số 2.9). Đồng thời, số liệu cũng tự động vào Sổ chi tiết tài khoản 632 (Biểu số 2.14).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Số 2/20 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Số: 301

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Giá vốn công trình XD tầng 2	632		201.523.636	
PX hoàn chỉnh công ty giày	154			201.523.636
Stateway				
Cộng			201.523.636	201.523.636

Bảng chữ: Hai trăm linh một triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi sáu VND

Biểu số 2.10 - Phiếu kế toán số 301

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Có TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi Nợ TK
Số hiệu	Ngày			TK 632
...
PKT299	15/12/09	Lắp đặt cầu thang máy	253.909.091	253.909.091
PKT300	15/12/09	Xây lắp nhà cầu nội XNG	218.272.727	218.272.727
PKT301	15/12/09	Tầng 2 PX hoàn chỉnh	201.523.636	201.523.636
...
		Tổng cộng	26.968.972.494	26.968.972.494

Biểu số 2.11 - Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

CHỨNG TỪ GHISỔ

Số: 121

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn hàng bán	632	154	26.968.972.494	
Tổng cộng			26 968 972 494	

Lập, ngày....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12 - Chứng từ ghi sổ số 121

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán
Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
31/12/09	121	Chi phí SXKD	154	26.968.972.494	
31/12/09	130	Kết chuyển giá vốn	911		26.968.972.494

Tổng phát sinh nợ: 26 968 972 494

Tổng phát sinh có: 26 968 972 494

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.13 - Sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày: 01/10/ 2009 đến ngày 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
...
12/12/09	PKT295	31/12/09	121	KH00262	Lắp cửa sổ trường THPH TPhú	154	17.101.982	
15/12/09	PKT296	31/12/09	121	KH00260	C.Bể cầu CLược Hòa Bình	154	285.709.091	
15/12/09	PKT297	31/12/09	121	KH00240	Ngâm hóa mạng dây cáp	154	398.581.818	
15/12/09	PKT298	31/12/09	121	KH00120	Tầng 3 trường tiểu học ĐLâm	154	335.090.909	
15/12/09	PKT299	31/12/09	121	KH00231	Lắp đặt cầu thang máy nâng hàng	154	253.909.091	
15/12/09	PKT300	31/12/09	121	KH00241	Xây lắp cầu nhà nổi XNG	154	218.272.727	
15/12/09	PKT301	31/12/09	121	KH00216	XD tầng 2 PX hoàn chỉnh	154	201.523.636	
...
31/12/09	PKT313	31/12/09	130		Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		26.968.972.494

Tổng phát sinh nợ: 26 968 972 494

Tổng phát sinh có: 26 968 972 494

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.14 - Sổ chi tiết TK 632

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.**2.2.3.1. Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp dù cao hay thấp đều có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp để góp phần làm tăng lợi nhuận.

2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

* Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.3. Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.

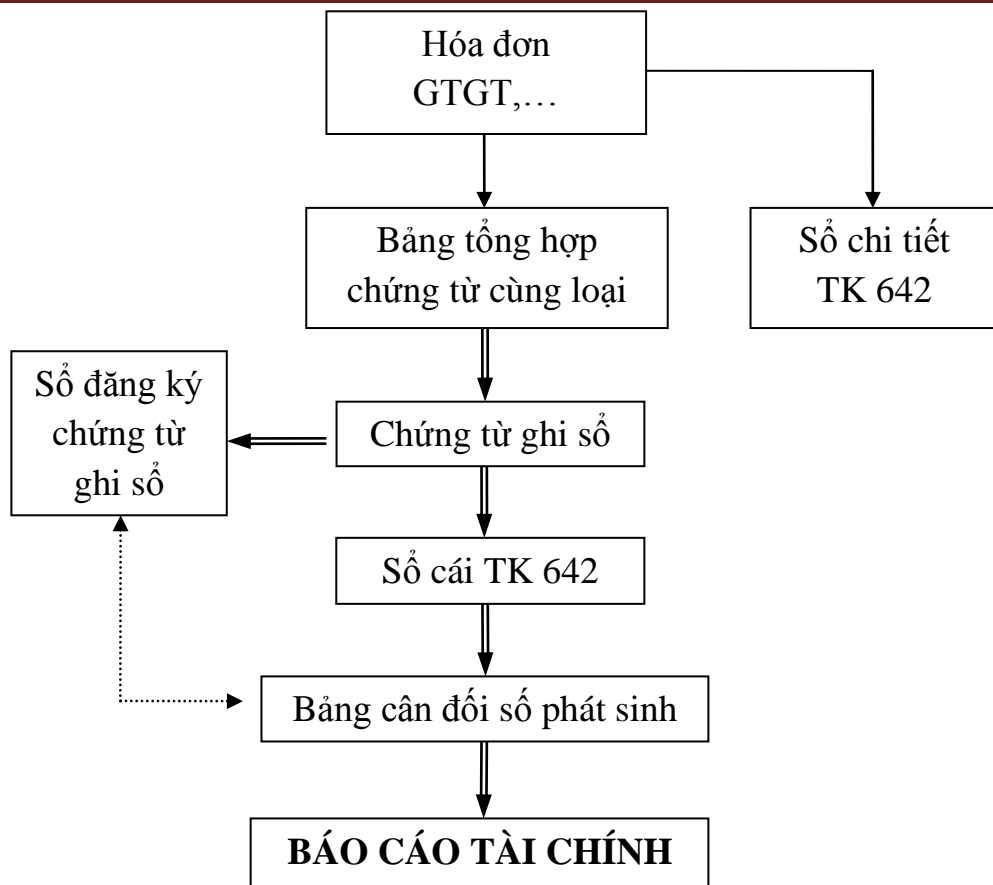
Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.7

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, ...kế toán tiến hành nhập vào phần mềm thông qua phân hệ *Quản lý tài chính/ Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Phiếu chi tiền mặt* (hoặc *Giấy báo nợ của Ngân hàng*). Sau đó, kế toán tiến hành in Phiếu chi. Tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán cũng có thể tiến hành nhập dữ liệu qua phân hệ *Quản lý tài chính/ Kế toán tổng hợp/ Cập nhật số liệu/ Phiếu kế toán*.

Khi nhập xong, số liệu tự động chạy vào các sổ kế toán chi tiết.

Cuối quý, số liệu được tổng hợp tự động vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, sau đó vào Chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Cuối năm, kế toán in sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.7 – Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Thanh niên

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

2.2.3.4. Ví dụ minh họa.

Ngày 08/12/2009, phát sinh nghiệp vụ thanh toán tiền phôtô tài liệu cho Công ty TNHH in Thanh Hương bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0065134 (Biểu số 2.15), kế toán tiến hành lập trên phần mềm Phiếu chi số 12 (Biểu số 2.16), sau đó tiến hành in Phiếu chi.

- Cuối quý, số liệu tự động tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (Biểu số 2.17), sau đó vào Chứng từ ghi sổ số 110 (Biểu số 2.18), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.19), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.9). Đồng thời, số liệu cũng tự động vào Sổ chi tiết TK 642 (Biểu số 2.20).

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			KB/2009B		
Liên 2: Giao cho khách hàng			0065134		
Ngày 08 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH in Thanh Hương					
Địa chỉ: 18/71 Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MS: 0200493899		
Họ tên người mua hàng: Đỗ Thị Thanh Thủy					
Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Thanh niên					
Địa chỉ: Số 2/20 Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM			MS: 0200170961		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	In tài liệu	đồng			2.270.000,
				
Cộng tiền hàng:					2.270.000,
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		227.000,	
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.497.000,
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.15 – Hoá đơn GTGT số 0065134

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

CHỨNG TỪ GHISỔ

Số: 110

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền VND gửi ngân hàng HBàng	11211	1111	541.500.000	
Tiền VND gửi ngân hàng Quốc tế	11212	1111	1.000.000	
Tiền VND gửi ngân hàng Sài Gòn	11214	1111	128.200.000	
Thuế GTGT được khấu trừ của hh,dv	133	1111	38.381.021	
Phải thu khác ngắn hạn	1388	1111	359.557.615	
Tạm ứng	141	1111	23.237.311.065	
Công cụ, dụng cụ	153	1111	6.357.143	
Vay ngắn hạn	311	1111	2.381.160.000	
....	
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212	1111	9.000.000	
Quỹ phúc lợi	4312	1111	5.100.000	
Chi phí tài chính	635	1111	422.964.000	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1111	963.723.178	

Tổng cộng 30 003 452 289

Biểu số 2.18 - Chứng từ ghi sổ số 110

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
31/12/09	109	Thu tiền mặt	1111		4.774.728
31/12/09	110	Chi tiền mặt	1111	963.723.178	
31/12/09	112	Chi từ tiền gửi ngân hàng	11211	51.435.076	
31/12/09	112	Chi từ tiền gửi ngân hàng	11212	19.835.682	
31/12/09	112	Chi từ tiền gửi ngân hàng	11213	106.788	
31/12/09	112	Chi từ tiền gửi ngân hàng	11214	11.220.266	
31/12/09	117	Khấu hao TSCĐ	214	39.956.166	
31/12/09	119	Hoàn ứng	141	109.199.077	
31/12/09	124	Thuế phải nộp	3338	28.655.000	
31/12/09	125	Phải trả CBNV	3341	207.496.593	
31/12/09	126	Phải trả phải nộp khác	338	21.506.805	
31/12/09	132	Kết chuyển CPQLDN	911		1.448.359.903

Tổng phát sinh nợ: 1 453 134 631

Tổng phát sinh có: 1 453 134 631

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.19 - Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
 Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
...
08/12/09	PC12	31/12/09	110	KHAC	In tài liệu	1111	2.270.000	
08/12/09	PC13	31/12/09	110	KHAC	Trả tiền nước tháng 11/2009	1111	483.663	
09/12/09	PC14	31/12/09	110	KHAC	Trả tiền thuê xe ô tô CB đi công tác	1111	857.142	
09/12/09	PC15	31/12/09	110	KHAC	Dương thanh toán tiền tiếp khách	1111	1.290.000	
09/12/09	PC16	31/12/09	110	KHAC	Chi nạo vét bùn mương dẫn nước	1111	12.400.000	
09/12/09	PC17	31/12/09	110	KHAC	Ông Phấn thanh toán tiếp khách	1111	2.728.000	
...
31/12/09	PKT315	31/12/09	132		Kết chuyển CPQLDN Q4/2009	911		1.448.359.903

Tổng phát sinh nợ: 1 453 134 631

Tổng phát sinh có: 1 453 134 631

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.20 - Sổ chi tiết TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.

2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Hoạt động của Công ty chủ yếu chú trọng vào việc xây dựng các công trình nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh,... Doanh thu hoạt động tài chính và của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

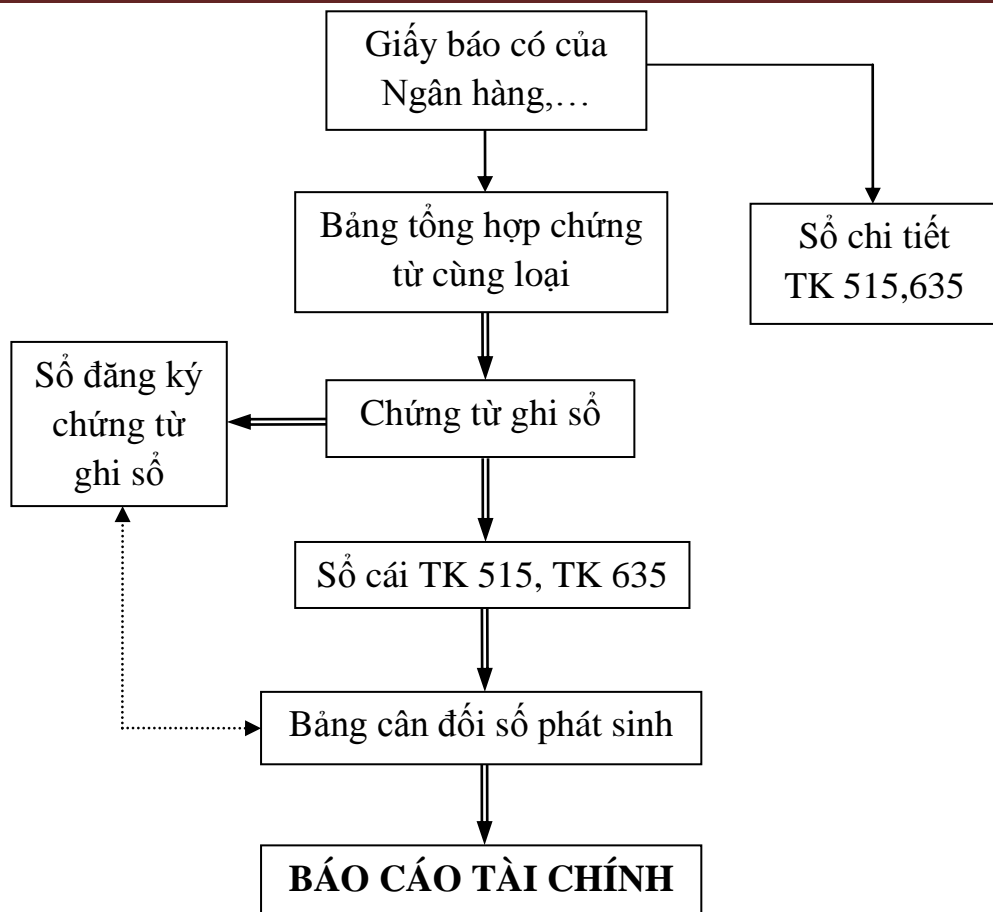
2.2.4.3. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty được khái quát bằng *sơ đồ 2.8*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo có của Ngân hàng, Phiếu chi, Bảng kê tính lãi vay,... kế toán tiến hành nhập vào phần mềm kế toán thông qua phân hệ *Quản lý tài chính/ Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Giấy báo có của Ngân hàng* (hoặc kế toán nhập qua mục *Phiếu chi tiền mặt* tùy vào nội dung nghiệp vụ). Số liệu sẽ được tự động chạy vào sổ kế toán chi tiết.

Cuối quý, số liệu được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, sau đó vào Chứng từ ghi sổ, Sổ cái và Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành in sổ kế toán và Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.8 – Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH MTV Thanh niên

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

2.2.4.4. Ví dụ minh họa.

Ví dụ 1: Ngày 25/12/2009, Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương trả lãi tiền gửi, số tiền 6.206 đồng.

- Căn cứ vào Sổ phụ ngày 25/12/2009 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương (Biểu số 2.21), kế toán tiến hành nhập vào phần mềm thông qua mục Giấy báo có của ngân hàng.

- Cuối quý, số liệu được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại (Biểu số 2.22), sau đó vào Chứng từ ghi sổ số 111 (Biểu số 2.23), Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.24), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ quý IV năm 2009 (Biểu số 2.9). Đồng thời, số liệu cũng tự động vào Sổ chi tiết TK 515 (Biểu số 2.25).

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG
HẢI PHÒNG
---oOo---

Trang : 63/85

SỔ PHỤ
Ngày 25/12/2009

Sổ chi tiết tài khoản
Statement of Account For

CÔNG TY TNHH MTV THANH NIÊN

Số Tài Khoản : 701270406000465

A/C No.

Loại TK/Loại Tiền: 692 VND

Type/Ccy

Số dư đầu ngày 25/12/2009 : 541.263.021

Opening Balance as of

So CT Seq.No	Ngày GD Tran Date	Ngày H.Luc Effect Date	Loai GD Tran	Số Séc/ref Cheque No./Ref	PS Nợ Withdrawal	PS Có Deposit	Nội dung Remarks
173265125/12/2009 Vnam thanh toán	12/2009	25/12/2009	IR	0000022586	0.00	6.206	Lãi tiền gửi

Doanh số giao dịch :

0.00

6.206

Transaction Summary

Số dư cuối ngày 25/12/2009 : 541.269.227

Ending Balance as of

Biểu số 2.21 - Sổ phụ ngày 25/12/2009 NH TMCP Sài Gòn công thương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Nợ TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	...	Nợ TK11214, Có các TK	
Số hiệu	Ngày			...	TK 515	TK131
...
SP15SG	15/12/09	CTNNH Stateway tt	226.200.000			226.200.000
...
SP25SG	25/12/09	NHSG trả lãi tiền gửi	6.206		6.206	
SP26SG	26/12/09	Khách hàng toán	2.000.000.000			2.000.000.000
...
Tổng cộng			30.533.025.863	...	6.206	3.353.856.000

Biểu số 2.22 - Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 111

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền VND gửi ngân hàng HBàng	11211	131	25.093.033.704	
Tiền VND gửi ngân hàng HBàng	11211	1441	31.000.000	
Tiền VND gửi ngân hàng HBàng	11211	515	8.910.807	
Tiền VND gửi ngân hàng Quốc tế	11212	131	1.880.000.000	
Tiền VND gửi ngân hàng Quốc tế	11212	1441	165.000.000	
Tiền VND gửi ngân hàng Quốc tế	11212	515	1.212.395	
Tiền VND gửi ngân hàng VIDPUBLIC	11213	515	6.751	
Tiền VND gửi ngân hàng Sài Gòn	11214	131	3.353.856.000	
Tiền VND gửi ngân hàng Sài Gòn	11214	515	6.206	

Tổng cộng 30 533 025 863

Biểu số 2.23 - Chứng từ ghi sổ số 111

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
31/12/09	111	Thu từ tiền gửi ngân hàng	11211		8.910.807
31/12/09	111	Thu từ tiền gửi ngân hàng	11212		1.212.395
31/12/09	111	Thu từ tiền gửi ngân hàng	11213		6.751
31/12/09	111	Thu từ tiền gửi ngân hàng	11214		6.206
31/12/09	129	K/c doanh thu HĐTC	911	10.136.159	

Tổng phát sinh nợ: 10 136 159

Tổng phát sinh có: 10 136 159

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.24 - Sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
...
25/12/09	SP25SG	31/12/09	111	NHSAIGON	Trả lãi tiền gửi	11214		6.206
31/12/09	SP31HB	31/12/09	111	NHHBANG	Trả lãi tiền gửi	11211		3.761.963
31/12/09	SP31QT	31/12/09	111	NHQTE	Trả lãi tiền gửi	11212		76.502
31/12/09	SP31VID	31/12/09	111	NHVID	Trả lãi tiền gửi	11213		6.751
31/12/09	PKT312	31/12/09	129		Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	10.136.159	

Tổng phát sinh nợ: 10 136 159

Tổng phát sinh có: 10 136 159

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.25 - Sổ chi tiết TK 515

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2009, Trần Thị Sao trả lãi vay ngoài tháng 12 năm 2009.

- Căn cứ vào Bảng kê tiền lãi vay tháng 12 (*Biểu số 2.26*), kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 100 (*Biểu số 2.27*) và in Phiếu chi.

- Cuối quý, số liệu được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (*Biểu số 2.17*), sau đó vào Chứng từ ghi sổ số 110 (*Biểu số 2.18*), Sổ cái TK 635 (*Biểu số 2.28*), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (*Biểu số 2.9*). Đồng thời, số liệu cũng tự động vào Sổ chi tiết TK 635 (*Biểu số 2.29*).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

BẢNG KÊ TIỀN LÃI VAY

Tháng 12 năm 2009

1. Lãi suất Quỹ đầu tư

Ngày, tháng	Phát sinh	Số dư nợ	Thời gian chịu lãi	Số ngày	Lãi suất	Thành tiền
01/12/09		600.000.000	01/12/09-> 31/12/09	30	0,7%	4.200.000
			Cộng			4.200.000

2. Lãi suất ngân hàng thương mại

Ngày, tháng	Phát sinh	Số dư nợ	Thời gian chịu lãi	Số ngày	Lãi suất	Thành tiền
01/12/09		800.000.000	01/12/09-> 31/12/09	30	0,9%	7.200.000
01/12/09		600.000.000	01/12/09-> 31/12/09	30	0,9%	5.400.000
			Cộng			12.600.000

3. Lãi suất vay ngoài

Ngày, tháng	Phát sinh	Số dư nợ	Thời gian chịu lãi	Số ngày	Lãi suất	Thành tiền
01/12/09		350.000.000	01/12/09-> 31/12/09	30	1,5%	5.250.000
01/12/09		425.000.000	01/12/09-> 31/12/09	30	1,5%	6.370.000
			Cộng			11.620.000

Cộng 28.420.000

(Hai mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

Phòng Tài chính - Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26 - Bảng kê tiền lãi vay tháng 12/2009

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

CHỨNG TỪ GHISỔ

Số: 110

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền VND gửi ngân hàng HBàng	11211	1111	541.500.000	
Tiền VND gửi ngân hàng Quốc tế	11212	1111	1.000.000	
Tiền VND gửi ngân hàng Sài Gòn	11214	1111	128.200.000	
Thuế GTGT được khấu trừ của hh,dv	133	1111	38.381.021	
Phải thu khác ngắn hạn	1388	1111	359.557.615	
Tạm ứng	141	1111	23.237.311.065	
Công cụ, dụng cụ	153	1111	6.357.143	
Vay ngắn hạn	311	1111	2.381.160.000	
....	
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212	1111	9.000.000	
Quỹ phúc lợi	4312	1111	5.100.000	
Chi phí tài chính	635	1111	422.964.000	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1111	963.723.178	
Tổng cộng			30 003 452 289	

Biểu số 2.18 - Chứng từ ghi sổ số 110

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
31/12/09	109	Thu tiền mặt	1111		6.100.000
31/12/09	110	Chi tiền mặt	1111	422.964.000	
31/12/09	116	Phải thu khác	1388		66.640.381
31/12/10	131	Kết chuyển chi phí TC	911		350.223.619

Tổng phát sinh nợ: 422 964 000

Tổng phát sinh có: 422 964 000

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.28 - Sổ cái TK 635

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
...
25/12/09	SP25SG	31/12/09	116	DX00018	Thu lãi vay XN 13/05	1388		4.680.000
30/12/09	PKT306	31/12/09	116	DX00024	Thu lãi vay XN 30/04	1388		12.900.000
31/12/09	PC100	31/12/09	110	KHAC	TTSao trả lãi vay t12/2009	1111	28.420.000	
31/12/09	PKT309	31/12/09	116	DX00029	Thu lãi vay XN 26/03	1388		7.725.000
31/12/09	PKT314	31/12/09	131		Kết chuyển chi phí TC	911		350.223.619

Tổng phát sinh nợ: 422 964 000

Tổng phát sinh có: 422 964 000

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.29 - Sổ chi tiết TK 635

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.

2.2.5.1. Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Thu nhập khác và chi phí khác của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ hoặc các điều chỉnh về thuế thu nhập hay giá trị công cụ, dụng cụ, TSCĐ ghi tăng thu nhập khác.

2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

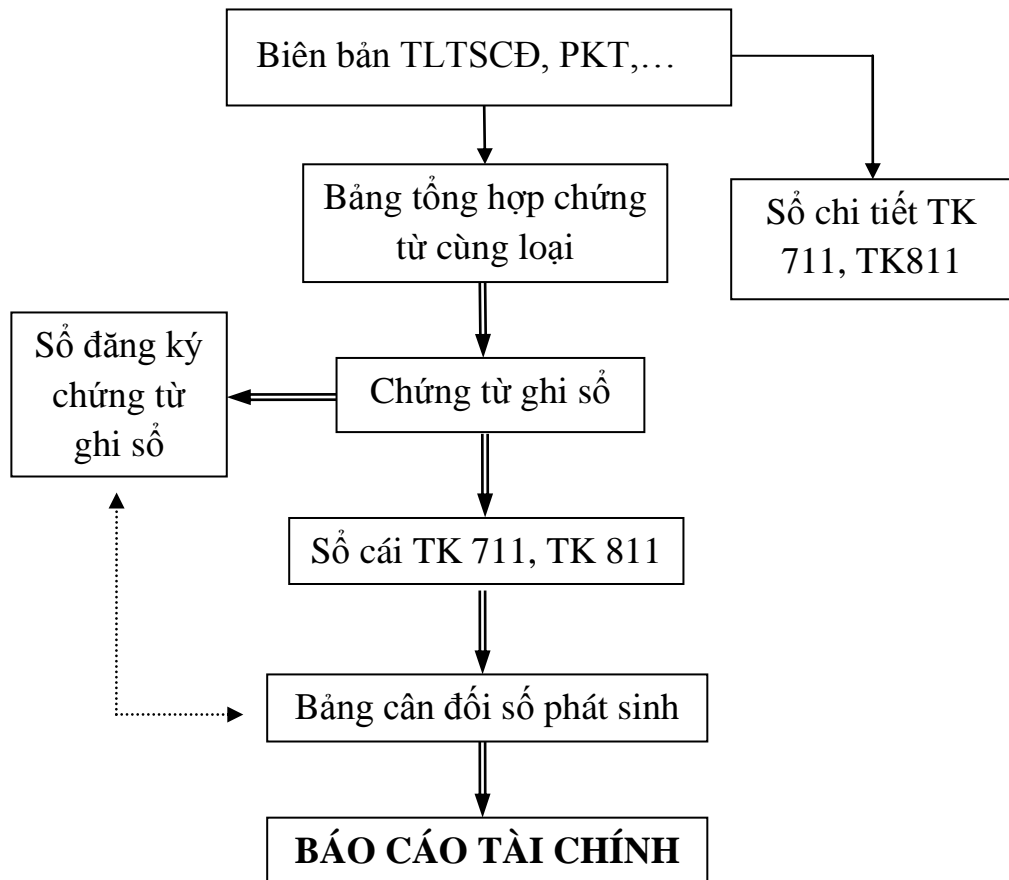
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

2.2.5.3. Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.9.



Sơ đồ 2.9 – Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH MTV Thanh niên

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán tiến hành nhập vào phần mềm kế toán, số liệu sẽ tự động chạy vào sổ kế toán chi tiết.

Cuối quý, số liệu sẽ được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, sau đó vào Chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành in sổ kế toán và Báo cáo tài chính.

2.2.5.4. Ví dụ minh họa.

Ví dụ: Ngày 13/04/2009, Công ty tiến hành thanh lý vách ngăn B40, nguyên giá 72.909.340, giá trị còn lại là 8.389.000, số tiền thu được là 1.000.000 (chưa bao gồm thuế GTGT 10%), Công ty đã nhận bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ (*Biểu số 2.30*), kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 84 (*Biểu số 2.31*) trên phần mềm.

- Cuối quý, số liệu được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (*Biểu số 2.32*), sau đó vào Chứng từ ghi sổ số 43 (*Biểu số 2.33*), Sổ cái TK 811 (*Biểu số 2.34*). Đồng thời, số liệu cũng tự động vào Sổ chi tiết TK 811 (*Biểu số 2.35*).

- Số tiền thu được từ thanh lý kế toán tiến hành nhập vào Phiếu thu số 25 (*Biểu số 2.36*), sau đó in Phiếu thu. Cuối quý, số liệu được tự động tổng hợp vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (*Biểu số 2.37*), sau đó vào Chứng từ ghi sổ số 39 (*Biểu số 2.38*), Sổ cái TK 711 (*Biểu số 2.39*). Đồng thời số liệu tự động vào Sổ chi tiết TK 711 (*Biểu số 2.40*).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Bộ phận: Phòng Tài chính - Kế toán

Mẫu số: 02-TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 13 tháng 04 năm 2009

Căn cứ Quyết định số 04/2009 ngày 13 tháng 04 năm 2009 của Công ty TNHH một thành viên Thanh niên về việc thanh lý TSCĐ.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Chiên Chức vụ: Phó Giám đốc - Trưởng ban
- Ông/Bà: Nguyễn Thị Xuân Chức vụ: Kế toán trưởng - Ủy viên
- Ông/Bà: Nguyễn Minh Khang Chức vụ: Nhân viên - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Vách ngăn nhà B40
- Số hiệu TSCĐ: TS0013
- Nước sản xuất: Việt Nam
- Năm sản xuất: 2005
- Năm đưa vào sử dụng: 2005
- Nguyên giá TSCĐ: 72.909.340
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 64.520.340
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 8.389.000

III. Kết luận của Ban thanh lý:

Vách ngăn nhà B40 đã được sử dụng nhiều năm, cho đến nay không có khả năng thu hồi giá trị còn lại bằng việc thanh lý mà chỉ có thể thu hồi bằng việc bán phế liệu.

Ngày 13 tháng 04 năm 2009

Trưởng ban thanh lý

(Ký, ghi họ tên)

IV. Kết quả thanh lý:

- Chi phí thanh lý TSCĐ:.....(viết bằng chữ).....
- Giá trị thu hồi:(viết bằng chữ).....
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 13 tháng 04 năm 2009

Ngày 13 tháng 04 năm 2009

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30 – Biên bản thanh lý TSCĐ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Số 2/20 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 13 tháng 04 năm 2009

Số: 84

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Thanh lý vách ngăn B40	214		64.520.340	
	811		8.389.000	
	211			72.909.340
Cộng			72.909.340	72.909.340

Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu chín trăm linh chín nghìn ba trăm bốn mươi VND

Ngày... tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31 - Phiếu kế toán số 84

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Có TK 211 – Tài sản cố định hữu hình

Từ ngày: 01/04/2009 đến ngày: 30/06/2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi Nợ các TK	
Số hiệu	Ngày			TK 214	TK 811
...
PKT82	13/04/09	Thanh lý máy nâng hàng	267.155.120	254.632.000	12.523.120
PKT83	13/04/09	Thanh lý bàn ghế	5.373.500	4.523.000	850.500
PKT84	13/04/09	Thanh lý vách ngăn B40	72.909.340	64.520.340	8.389.000
...
Tổng cộng			2.126.791.265	1.562.541.050	564.250.215

Biểu số 2.32 - Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

CHỨNG TỪ GHISỔ

Số: 43

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Hao mòn TSCĐ hữu hình	214	211	1.562.541.050	
Chi phí khác	811	211	564.250.215	

Tổng cộng 2 126 791 265

Lập, ngày....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.33 - Chứng từ ghi sổ số 43

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 811 - Chi phí khác

Từ ngày: 01/04/2009 đến ngày: 30/06/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
30/06/09	43	Tăng TSCĐ hữu hình	211	564.250.215	
30/06/09	54	K/chuyển chi phí khác	911		564.250.215

Tổng phát sinh nợ: 564 250 215

Tổng phát sinh có: 564 250 215

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.34 - Sổ cái TK 811

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811 - Chi phí khác

Từ ngày: 01/04/2009 đến ngày: 30/06/2009

Số dư nợ đầu kỳ:

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
...
13/04/09	PKT81	30/06/09	43	KHAC	Thanh lý nhôm kính	211	2.546.000	
13/04/09	PKT82	30/06/09	43	KHAC	Thanh lý máy nâng hàng	211	12.523.120	
13/04/09	PKT83	30/06/09	43	KHAC	Thanh lý bàn ghế	211	850.500	
13/04/09	PKT84	30/06/09	43	KHAC	Thanh lý vách ngăn B40	211	8.389.000	
30/06/09	PKT113	30/06/09	54	KHAC	K/chuyển chi phí khác	911		564.250.215

Tổng phát sinh nợ: 564 250 215

Tổng phát sinh có: 564 250 215

Số dư nợ cuối kỳ:

Biểu số 2.35 - Sổ chi tiết TK 811

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN
Số 2/20 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng

Số phiếu : 25
Tài khoản: 1111
Tài khoản dự: 711,3331

PHIẾU THU

Ngày: 13/04/2009

Người nộp: Nguyễn Thị Xuân
Địa chỉ: Phòng Tài chính - Kế toán
Về khoản: Thu từ bán phế liệu vách ngăn nhà B40
Số tiền: 1 100 000,00 đ
Bằng chữ: Một triệu, một trăm nghìn VND
Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Kế toán trưởng Kế toán thanh toán

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng.

Ngày 13 tháng 04 năm 2009

Người nộp

Thủ quỹ

Biểu số 2.36 - Phiếu thu số 25

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Nợ TK 1111 – Tiền mặt

Từ ngày: 01/04/2009 đến ngày: 30/06/2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi Có các TK			
Số hiệu	Ngày			TK11211	TK3331	TK 711	...
...
PT25	13/04/09	Thu từ thanh lý	1.100.000		100.000	1.000.000	
...	
PT32	15/04/09	Rút tiền nhập quỹ	450.000.000	450.000.000			
PT33	16/04/09	Rút tiền nhập quỹ	520.000.000	520.000.000			
...
Tổng cộng			20.152.495.728	18.254.000.000	100.000	1.000.000	...

Biểu số 2.37 - Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

CHỨNG TỪ GHISỔ

Số: 39

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền Việt Nam	1111	11211	18.254.000.000	
Tiền Việt Nam	1111	11214	1.300.000.000	
Tiền Việt Nam	1111	141	591.521.000	
Tiền Việt Nam	1111	3331	100.000	
Tiền Việt Nam	1111	642	5.874.728	
Tiền Việt Nam	1111	711	1.000.000	

Tổng cộng 20 152 495 728

Lập, ngày...tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KTTRƯỞNG
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.38 - Chứng từ ghi sổ số 39

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Từ ngày: 01/04/2009 đến ngày: 30/06/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
30/06/09	39	Thu tiền mặt	1111		1.000.000
30/06/09	50	Tặng thu nhập khác	4211		944.581
30/06/09	53	K/chuyển thu nhập khác	911	1.944.581	

Tổng phát sinh nợ: 1 944 581

Tổng phát sinh có: 1 944 581

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.39 - Sổ cái TK 711

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác
 Từ ngày: 01/04/2009 đến ngày: 30/06/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		CTGS		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
Ngày	Số	Ngày	Số				Nợ	Có
13/04/09	PT25	30/06/09	39	KHAC	Thu từ thanh lý TSCĐ	1111		1.000.000
13/04/09	PKT85	30/06/09	50	KHAC	Đ/chỉnh sang thu nhập khác	4211		944.581
30/06/09	PKT112	30/06/09	53	KHAC	K/chuyển thu nhập khác	911	1.944.581	

Tổng phát sinh nợ: 1 944 581

Tổng phát sinh có: 1 944 581

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.40 - Sổ chi tiết TK 711

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.**2.2.6.1. Nội dung của xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.**

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi. Sau đó thực hiện bút toán kết chuyển tự động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán Nợ TK 421 – Có TK 3334.

2.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

- TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

2.2.6.3. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Kế toán vào phân hệ *Quản lý tài chính/ Kế toán tổng hợp/ Cập nhật số liệu/ Khai báo bút toán kết chuyển tự động*. Sau khi khai báo xong, kế toán vào *Quản lý tài chính/ Kế toán tổng hợp/ Cập nhật số liệu/ Bút toán kết chuyển tự động*, đánh dấu các bút toán rồi thực hiện kết chuyển. Phần mềm sẽ tự động chạy và xác định lãi lỗ trong kỳ kế toán.

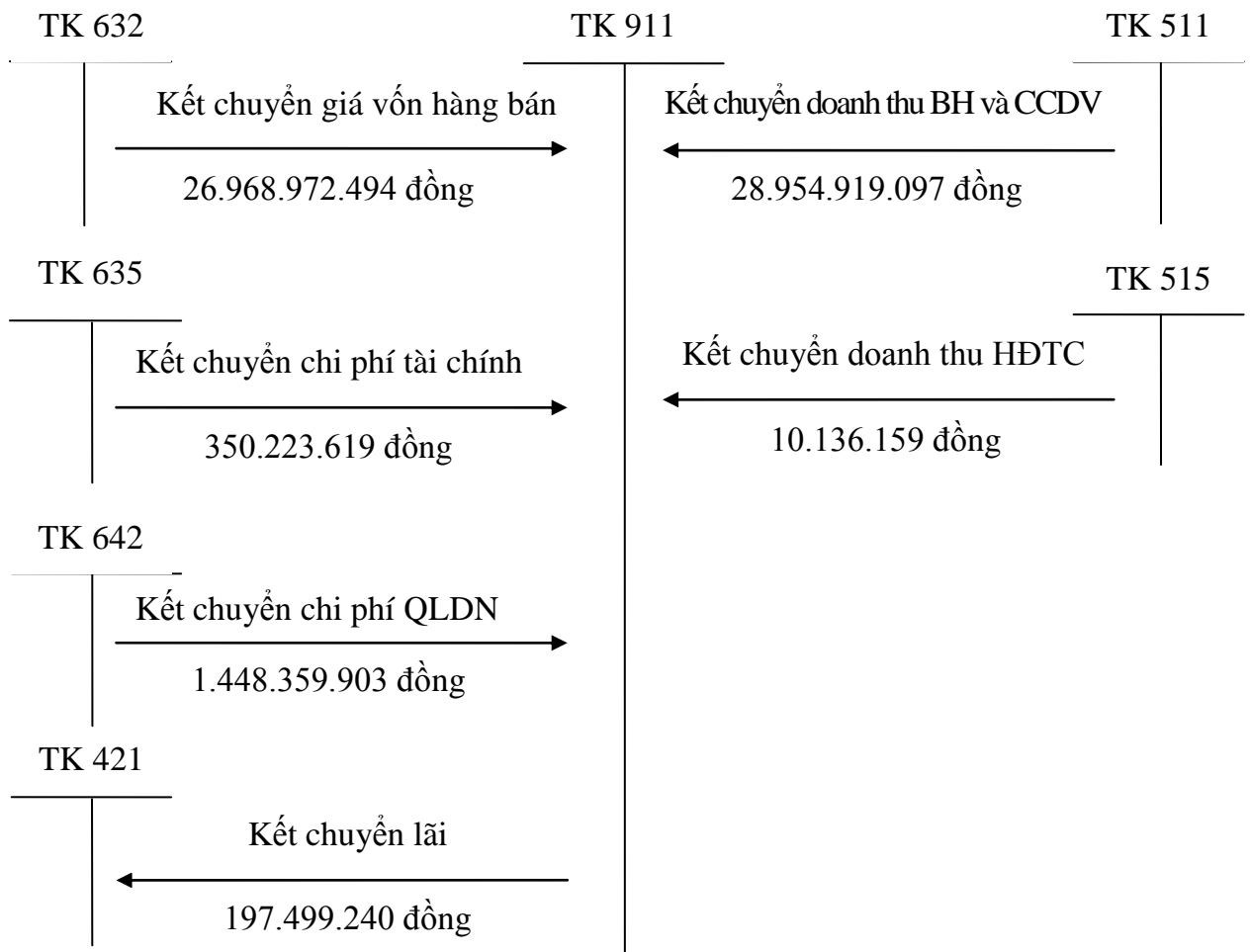
2.2.6.4. Ví dụ minh họa.

Xác định kết quả kinh doanh quý IV năm 2009.

- Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các Phiếu kế toán 311 (*Biểu số 2.41*), Phiếu kế toán số 312, 313, 314 (*Biểu số 2.42*), Phiếu kế toán số 315, 316 (*Biểu số 2.43*). Số liệu sẽ tự động chạy vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (*Biểu số 2.44*), sau đó vào Chứng từ ghi sổ số 127 (*Biểu số 2.45*), Sổ cái TK 911 (*Biểu số 2.46*).

- Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ

đồ 2.10 sau đây:



Biểu số 2.10 - Sơ đồ kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định KQKD Q4/2009

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 311

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cc dịch vụ Q4	511		28.954.919.097	
	911			28.954.919.097
Cộng			28.954.919.097	28.954.919.097

Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ chín trăm năm mươi bốn triệu chín trăm mười chín nghìn chín mươi bảy VND

Biểu số 2.41 - Phiếu kế toán số 311

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 312

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính Q4	515		10.136.159	
	911			10.136.159
Cộng			10.136.159	10.136.159

Bảng chữ: Mười triệu một trăm ba mươi sáu nghìn một trăm năm mươi chín VND

Ngày... tháng.....năm.....

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 313

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển giá vốn hàng bán Quý 4	911		26.968.972.494	
	632			26.968.972.494
Cộng			26.968.972.494	26.968.972.494

Bảng chữ: Hai mươi sáu tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi bốn VND

Ngày... tháng.....năm.....

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 314

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển chi phí tài chính Quý 4	911		350.223.619	
	635			350.223.619
Cộng			350.223.619	350.223.619

Bảng chữ: Ba trăm năm mươi triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm mười chín VND

Ngày... tháng.....năm.....

Biểu số 2.42 - Phiếu kế toán số 312, 313, 314

PHIẾU KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Số: 315

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển chi phí	911		1.448.359.903	
QLDN Quý 4	642			1.448.359.903
Cộng			1.448.359.903	1.448.359.903

Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu ba trăm năm mươi chín nghìn chín trăm linh ba VND

Ngày... tháng.....năm.....

PHIẾU KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Số: 316

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển lãi Quý 4	911		197.499.240	
	4212			197.499.240
Cộng			197.499.240	197.499.240

Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi VND

Ngày... tháng.....năm.....

Biểu số 2.43 - Phiếu kế toán số 315,316

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Có tài khoản 421

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi Nợ TK
Số hiệu	Ngày			TK 911
PKT316	31/12/09	Lợi nhuận chưa phân phối	197.499.240	197.499.240
Tổng cộng			197.499.240	197.499.240

Biểu số 2.44 - Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

CHỨNG TỪ GHISỔ

Số: 127

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định kết quả kinh doanh	911	4212	197.499.240	
Tổng cộng			197 499 240	

Biểu số 2.45 - Chứng từ ghi sổ số 127

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
31/12/09	127	Lợi nhuận Q4/2009	4212	197.499.240	
31/12/09	128	Kết chuyển doanh thu	511		28.954.919.097
31/12/09	129	Kết chuyển DTHĐTC	515		10.136.159
31/12/09	130	Kết chuyển giá vốn	632	26.968.972.494	
31/12/09	131	Kết chuyển CPTC	635	350.223.619	
31/12/09	132	Kết chuyển CPQLDN	642	1.448.359.903	

Tổng phát sinh nợ: 28 965 055 256

Tổng phát sinh có: 28 965 055 256

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 2.46 - Sổ cái TK 911

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

3.1.1.Đánh giá chung.

Công ty TNHH một thành viên Thanh niên tuy là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay, khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình Công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản, giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do Công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy, doanh thu hàng năm của Công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo, năng động của Ban Giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ công nhân viên Công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH một thành viên Thanh niên, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin mạnh dạn

đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

3.1.2. Ưu điểm.

* Về bộ máy kế toán:

- Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán riêng cho từng đơn vị trực thuộc, đồng thời tổ chức bộ máy kế toán riêng tại văn phòng Công ty, Báo cáo tài chính được lập hợp nhất bởi kế toán Công ty. Việc bố trí và xây dựng bộ máy kế toán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, hạch toán nhanh chóng, kịp thời của kế toán đối với các hoạt động phát sinh tại Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ; hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động.

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

- Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng, đảm bảo sự thống nhất trong hạch toán nhưng không bị trùng lặp; đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu được dễ dàng, tránh sai sót; đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết, chính xác để giúp Ban lãnh đạo Công ty đánh giá tình hình hoạt động, từ đó đề ra những mục tiêu và kế hoạch thích hợp, phù hợp với nhu cầu thị trường.

* Về hình thức kế toán:

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy vi tính, với phần mềm kế toán sử dụng là 3S Accounting 7.0. Hiện nay, việc áp dụng kế toán máy trở nên phổ biến với hầu hết các doanh nghiệp, nó không chỉ giúp giảm bớt gánh nặng cho kế toán viên mà còn giúp cho việc hạch toán dễ dàng, nhanh chóng hơn. Phần mềm kế toán máy mà Công ty lựa chọn phù hợp với

quy mô, tình hình hoạt động, yêu cầu quản lý và trình độ của đội ngũ kế toán của Công ty. Bên cạnh đó, phần mềm tương đối thân thiện với người sử dụng, tạo điều kiện cho quá trình hạch toán của kế toán viên.

*** Về hạch toán ban đầu:**

Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Chứng từ sau khi được sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, từng công trình, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

*** Về tài khoản kế toán:**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó Công ty cũng mở theo dõi chi tiết cho một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

*** Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này là hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của vật tư, công cụ dụng cụ.

*** Về đội ngũ kế toán của Công ty:**

Công ty có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và khả năng động với công việc. Hầu hết các kế toán viên đều có trình độ chuyên môn tương đối tốt, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm

việc, các nhân viên luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của Công ty.

3.1.3.Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

* Về hệ thống sổ kế toán:

Kế toán chỉ mở Sổ chi tiết tài khoản nhằm theo dõi chi tiết các nghiệp vụ phát sinh trên một tài khoản kế toán. Đối với các Sổ cái theo hình thức Chứng từ ghi sổ, số liệu đều được thể hiện dưới hình thức tổng hợp, vì thế nên các Sổ chi tiết mà kế toán tiến hành mở theo dõi đều chỉ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với mục đích diễn giải nội dung được tổng hợp của Sổ cái chứ không đi sâu chi tiết theo đối tượng, yếu tố.

- Kế toán chỉ theo dõi chi tiết các nghiệp vụ phát sinh cho TK 511 trên Sổ chi tiết TK 511 mà không mở Sổ chi tiết bán hàng, vì thế mà kế toán không thể nắm được doanh thu của từng công trình, hạng mục, qua đó không theo dõi được lãi gộp mà từng công trình mang lại.

- Kế toán không mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi giá vốn hàng bán cho từng công trình, điều này sẽ gây khó khăn cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành của từng công trình.

- Kế toán không mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho TK 642 theo từng yếu tố, điều này sẽ gây khó khăn cho việc hạch toán chi phí và theo dõi từng yếu tố của chi phí quản lý doanh nghiệp.

* Về hệ thống tổ chức bộ máy kế toán:

Tuy bộ máy kế toán tại Công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

Đồng thời, mô hình tổ chức kế toán mà Công ty đang áp dụng là mô hình tổ chức kế toán phân tán, mô hình này tuy đáp ứng được yêu cầu về thông tin phục vụ

cho quản lý nội bộ ở các bộ phận, đơn vị trực thuộc nhưng cũng tồn tại một số nhược điểm như: nếu không khéo tổ chức thì bộ máy kế toán sẽ trở nên cồng kềnh, tốn kém, chông chéo trong công việc chuyên môn và khó thực hiện trong việc kiểm tra chung.

*** Về tài khoản kế toán:**

Kế toán Công ty không sử dụng tài khoản 821 cho việc hạch toán xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Đối với khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, sau khi Công ty tiến hành khi nộp thuế tại cơ quan thuế, khoản tiền này sẽ được hạch toán và được kế toán ghi trừ vào lợi nhuận chưa phân phối. Như vậy, việc xác định và hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chưa phù hợp với chế độ hiện hành, không đúng quy định.

*** Về hạch toán chi phí:**

Công ty có mua màn hình máy vi tính phục vụ cho công tác quản lý vào tháng 12 năm 2009, tài sản này đã được xuất dùng, kế toán tiến hành hạch toán qua TK 153 – Công cụ, dụng cụ để theo dõi việc phân bổ nhưng thực tế kế toán không tiến hành phân bổ giá trị sang TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, việc này sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cuối kỳ.

*** Về quá trình luân chuyển chứng từ:**

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban, đơn vị về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên, trong quá trình luân chuyển, giữa các đơn vị này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, thất lạc.

*** Về việc in và lưu các chứng từ:**

Kế toán Công ty không tiến hành in các Chứng từ ghi sổ để lưu cuối kỳ. Điều này sẽ gây khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Bên cạnh đó, nếu phần mềm hay máy tính có sự cố, các số liệu sẽ bị mất, làm ảnh hưởng lớn đến công tác kế toán của Công ty.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì trong công cuộc đổi mới hiện nay, kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia vào việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học, Ban quản lý Công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài sản của đơn vị mình. Bên cạnh đó, việc lập Báo cáo tài chính của công tác kế toán còn phục vụ, cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như: chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, người lao động... để từ đó ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn

thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán Nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành tổ chức hạch toán theo đúng quy định.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Tiến hành chỉ đạo thống nhất từ Ban lãnh đạo đến các phòng ban, các đơn vị, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban với phòng ban, giữa các đơn vị trực thuộc với Công ty nhằm đảm bảo sự xuyên suốt, hợp lý.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

3.2.3.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

* Về phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: do chưa mở Sổ chi tiết bán hàng nên kế toán không theo dõi được doanh thu của từng công trình. Việc mở Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu số S35-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC - *Biểu số 3.1*) sẽ giúp cho Công ty theo dõi được doanh thu, giá vốn, lãi gộp của từng công trình. Qua đó, Công ty có thể xem xét và so sánh kết quả thực hiện giữa các công trình với nhau để đưa ra được đánh giá về việc thực hiện xây dựng, quản lý công trình nào tốt, công trình nào còn chưa tốt, từ đó có các biện pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc theo dõi trên Sổ chi tiết bán hàng là rất cần thiết, nếu không, Công ty chỉ xác định được tổng doanh thu trong kỳ, tính chung cho tất cả các công trình.

* Về phần giá vốn hàng bán: do chưa mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC - *Biểu số 3.2*) theo dõi chi tiết cho TK 632 nên kế toán chưa theo dõi

được phần giá vốn hàng bán của từng công trình phát sinh trong kỳ, vì vậy việc tổng hợp giá vốn của từng hạng mục công trình là rất khó khăn. Với Sổ chi tiết TK 632 hiện kế toán đang theo dõi chỉ có thể tính được giá vốn chung của tất cả các công trình, cho nên mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh sẽ giúp kế toán theo dõi giá vốn hàng bán cho từng công trình dễ dàng hơn.

* Về phần chi phí quản lý doanh nghiệp: do chưa mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC - *Biểu số 3.2*) nên khi phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 642 mà không chia ra thành các yếu tố. Việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng yếu tố sẽ giúp Công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn. Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho TK 642, tài khoản này được mở chi tiết thành 8 tiểu khoản, nội dung của các tiểu khoản này bao gồm:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,...vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,...

- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc,...

- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất, ...và các khoản phí, lệ phí khác.

- TK 6426 - Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...

- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kê trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

Lấy lại ví dụ ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0087566 xuất cho Công ty TNHH giày Stateway Việt Nam, kế toán nhập vào phần mềm kế toán.

Khi đó, số liệu sẽ tự động chuyển vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.3).

- Sau khi kế toán xác định được giá vốn của công trình, kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán 301 trên phần mềm máy tính, số liệu sẽ tự động vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi chi tiết cho TK 632 (Biểu số 3.4).

- Kế toán mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi chi tiết cho TK 642 (Biểu số 3.5), khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sẽ có thể theo dõi chi tiết theo từng yếu tố.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (Hàng hoá, dịch vụ):.....

Từ ngày: đến ngày:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			Cộng phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.1 - Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 632, 641, 642, 142, 242, 335)

Năm:

Tài khoản:

Tên phân xưởng (bộ phận):

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Số dư đầu kỳ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có					

Tổng số phát sinh nợ:

Tổng số phát sinh có:

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 3.2 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (Hàng hoá, dịch vụ): Công trình xây dựng tầng 2 PX hoàn chỉnh tại Công ty TNHH giày Stateway VNam
 Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15/12/09	HD87568	15/12/09	Xdựng tầng 2 PX hoàn chỉnh	131	1	205.636.364	205.636.364		
			Cộng phát sinh			205.636.364	205.636.364		
			Doanh thu thuần				205.636.364		
			Giá vốn hàng bán				201.523.636		
			Lãi gộp				4.112.728		

Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3 - Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Tên phân xưởng (bộ phận):

Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình xây dựng tầng 2 PX hoàn chỉnh tại Cty TNHH giày Stateway VNam

Số dư đầu kỳ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có					
15/12/09	PKT301	15/12/09	XDựng tầng2 PX	154	201.523.636						
31/12/09	PKT313	31/12/09	K/c giá vốn hàng bán	911		201.523.636					
			quý 4/2009								

Tổng số phát sinh nợ: 201 523 636

Tổng số phát sinh có: 201 523 636

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 3.4 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/10/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tên phân xưởng (bộ phận):

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Số dư đầu kỳ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	TK6421	...	TK 6427	TK 6428
...
03/12/09	BTTL	03/12/09	Lương phải trả t11/2009	3341	38.783.250		38.783.250			
...
08/12/09	PC12	08/12/09	In tài liệu	1111	2.270.000					2.270.000
08/12/09	PC13	08/12/09	Trả tiền nước t11/09	1111	483.663				483.663	
...
31/12/09	PKT315	31/12/09	K/c CPQLDN Q4/09	911		1.448.359.903	207.496.593	...	415.448.521	512.254.786

Tổng số phát sinh nợ: 1 453 134 631

Tổng số phát sinh có: 1 453 134 631

Số dư cuối kỳ:

Biểu số 3.5 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.3.2. Hoàn thiện về phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Hiện nay, kế toán tại Công ty không tiến hành hạch toán phần thuế thu nhập doanh nghiệp qua TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Điều này là không đúng với quy định của chế độ hiện hành.

Công ty nên mở theo dõi phần thuế thu nhập doanh nghiệp trên TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. TK 821 gồm hai tiểu khoản, bao gồm:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Trong đó, Công ty sẽ thực hiện xác định và hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp qua TK 8211.

Kết cấu một số nghiệp vụ:

- Hàng quý, khi xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp, kế toán phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp vào ngân sách Nhà nước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Lấy lại ví dụ phần xác định kết quả kinh doanh.

- Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển tự động doanh thu, chi phí, thu nhập, kế toán tính ra số chênh lệch giữa số tiền ở bên Có TK 911 và số tiền ở bên Nợ TK 911, sau đó nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Ta có: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = 197.499.240 x 25%

= 49.374.810

- Kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 316, 317 trên phần mềm (Biểu số 3.6).

- Cuối cùng, kế toán thực hiện kết chuyển lãi tự động qua Phiếu kế toán số 318 (Biểu số 3.7).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Số 2/20 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 316

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Xác định thuế TNDN phải nộp	8211		49.374.810	
	3334			49.374.810
Cộng			49.374.810	49.374.810

Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm mười VND

Ngày... tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Số 2/20 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 317

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển chi phí thuế thu	911		49.374.810	
nhập doanh nghiệp Quý 4	8211			49.374.810
Cộng			49.374.810	49.374.810

Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm mười VND

Ngày... tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.6 - Phiếu kế toán số 316, 317

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

Số 2/20 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 318

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Lợi nhuận quý IV năm 2009	911		148.124.430	
	4212			148.124.430
Cộng			148.124.430	148.124.430

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi VND

Ngày... tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.7 - Phiếu kế toán số 318

3.2.3.3. Hoàn thiện công tác hạch toán chi phí tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Ngày 02/12/2009, Công ty mua màn hình máy vi tính của Công ty cổ phần tin học điện tử Hồ Sen, kế toán Công ty đã tiến hành hạch toán như sau:

Nợ TK 153 : 6.357.143

Nợ TK 133 : 317.857

Có TK 111: 6.675.000

Tuy nhiên, khi xuất dùng kế toán đã không tiến hành phân bổ chi phí sang tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Vì vậy, cần bổ sung thêm bút toán sau:

Nợ TK 6423 : 6.357.143

Có TK 153: 6.357.143

Nếu không có bút toán bổ sung này thì chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ bị giảm 6.357.143 đồng, việc xác định kết quả kinh doanh sẽ không chính xác.

3.2.3.4. Hoàn thiện công tác phân tích Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.

Sau khi lập Báo cáo tài chính, kế toán Công ty chưa tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy, để có thể đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán Công ty nên dùng các số liệu có được từ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 (Biểu số 2.8) để phân tích.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH NIÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/01/2009 đến ngày: 31/12/2009

Phần I – Lãi lỗ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	95.903.890.203	91.357.194.206
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về BH&c/c DV(10=01-02)	10		95.903.890.203	91.357.194.206
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	89.028.335.592	85.033.211.688
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV(20=10-11)	20		6.875.554.611	6.323.982.518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	23.048.184	25.830.054
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	647.017.816	565.714.320
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.266.728.488	5.173.643.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		984.856.491	610.454.420
11. Thu nhập khác	31		1.944.581	374.500.000
12. Chi phí khác	32		729.404.562	852.204.265
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(727.459.981)	(477.704.265)
14. Tổng lợi nhuận KT trước thuế(50=30+40)	50		257.396.510	132.750.155
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51-52)	60		257.396.510	132.750.155
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Biểu số 3.8 – Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

Qua bảng trên ta thấy mức biến động khoản mục lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2009 so với năm 2008 tăng 124.646.355 đồng tương ứng với 93,9% do ảnh hưởng của các nhân tố sau:

- Tổng doanh thu năm 2009 tăng 4.546.695.997 đồng so với năm 2008, tương đương với 4,98%. Năm 2009 là năm công ty gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đạt doanh thu cao hơn trước với hơn 4 tỷ đồng, điều đó có được là do công ty không ngừng nỗ lực nâng cao tay nghề cán bộ công nhân xây dựng, chất lượng các công trình, tạo sự tin tưởng từ phía khách hàng nhằm thu hút được nhiều hợp đồng xây dựng hơn. Do các khoản giảm giá hàng bán không phát sinh nên mức tăng của doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tương ứng với tốc độ tăng của tổng doanh thu, tăng 4.546.695.997 đồng, làm cho lợi nhuận gộp tăng 4.546.695.997 đồng, do đó làm cho lợi nhuận trước thuế tăng 4.546.695.997 đồng.

- Doanh thu tài chính năm 2009 giảm so với năm 2008 là 2.781.870 đồng tương đương với 10,77% làm cho lợi nhuận trước thuế giảm 2.781.870 đồng.

- Năm 2008 phát sinh thu nhập khác là 374.500.000 đồng. Trong khi năm 2009 thu nhập khác chỉ phát sinh 1.944.581 đồng đã làm cho lợi nhuận trước thuế năm 2009 giảm so với năm 2008 là 372.555.419 đồng, tương đương 99,48%.

- Giá vốn hàng bán năm 2009 tăng 3.995.123.904 đồng so với năm 2008, tương đương với 4,7% làm cho lợi nhuận gộp giảm 3.995.123.904 đồng, do đó làm cho lợi nhuận trước thuế giảm 3.995.123.904 đồng.

- Chi phí tài chính tăng 81.303.496 đồng làm cho lợi nhuận trước thuế giảm 81.303.496 đồng, tương đương 14,37%.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 93.084.656 đồng, tương đương với 1,8%, điều này làm cho lợi nhuận trước thuế giảm 93.084.656 đồng.

- Bên cạnh đó, chi phí khác giảm 122.799.703 đồng làm cho lợi nhuận trước thuế tăng 122.799.703 đồng, tương đương 14,41%. Điều này có được là do Công ty đã tiến hành xem xét kỹ lưỡng trong việc ra quyết định mua các máy móc, trang thiết bị, nhằm giảm bớt việc thanh lý lỗ.

* Các nhân tố làm tăng lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2009:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 4.546.695.997

- Chi phí khác:	122.799.703
Tổng cộng tăng:	4.669.495.700
* Các nhân tố làm giảm lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2009:	
- Giá vốn hàng bán:	3.995.123.904
- Doanh thu hoạt động tài chính:	2.781.870
- Chi phí tài chính:	81.303.496
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:	93.084.656
- Thu nhập khác:	372.555.419
Tổng cộng giảm:	4.544.849.345

Sau khi bù trừ các nhân tố làm tăng giảm lợi nhuận, ta thấy lợi nhuận trước thuế năm 2009 của Công ty tăng 124.646.355 đồng.

3.2.3.5. Một số giải pháp khác nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thanh niên.

- Quá trình luân chuyển chứng từ từ phía các đơn vị trực thuộc đến phòng kế toán của Công ty còn chậm trễ, các chứng từ được dồn lại và chuyển đến vào cùng một thời điểm, điều này gây ra tình trạng ứ đọng, làm tăng khối lượng công việc cho kế toán viên tại phòng kế toán Công ty, khi hạch toán dễ nhầm lẫn, sai sót. Vì vậy, Công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

- Đối với việc in số liệu kế toán, Công ty nên tiến hành in thêm cả các Chứng từ ghi sổ để lưu trữ, phục vụ cho công tác đối chiếu, kiểm tra.

- Công ty có thể tổ chức cho các kế toán viên tham gia các khoá học để bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ.

- Việc phân công công việc có thể điều chỉnh lại để giảm bớt gánh nặng cho kế toán, tránh một người ôm đồm quá nhiều việc.

- Hiện nay đã có phần mềm 3S Accounting 7.5, Công ty có thể tham khảo để ứng dụng phiên bản mới này.

- Để tồn tại và phát triển trong môi trường kinh doanh hiện nay, các doanh nghiệp luôn luôn phải đối mặt với cả các cơ hội cũng như những thách thức. Nếu

mỗi doanh nghiệp không tự mình đề ra những chiến lược riêng phù hợp với nhu cầu phát triển thì nguy cơ rủi ro có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Chính vì thế, đối với phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, ngoài nhiệm vụ chính là hạch toán, cung cấp thông tin và đưa ra kết quả cuối cùng cho Ban lãnh đạo Công ty và cho một số đối tượng khác có liên quan thì kế toán có thể dựa vào đó đưa ra những ý kiến đóng góp nhằm mục đích nâng cao kết quả kinh doanh cho Công ty. Kế toán dùng các số liệu đã có để nhận xét về tình hình bán hàng, về tình hình công nợ phải thu của khách hàng,... đang ở tình trạng tốt hay không tốt, qua đó đề xuất các giải pháp thích hợp để Ban lãnh đạo Công ty có những quyết định sáng suốt, hiệu quả hơn.

- Về tình hình thanh toán công nợ phải thu, để giúp cho Công ty thu hồi các khoản phải thu nhanh chóng thì Công ty nên coi trọng một số biện pháp sau:

+ Mở các sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu trong và ngoài doanh nghiệp, thường xuyên đôn đốc để thu hồi nợ đúng hạn.

+ Có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán (lựa chọn khách hàng, giới hạn giá trị tín dụng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần giá trị đơn hàng,...).

+ Có chính sách bán chịu phù hợp với từng khách hàng, khi bán chịu cho khách hàng phải xem xét kỹ khả năng thanh toán của khách hàng trên cơ sở Hợp đồng kinh tế đã ký kết.

+ Có sự ràng buộc chặt chẽ trong Hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời gian thanh toán theo Hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của Ngân hàng.

+ Phân loại các khoản nợ quá hạn, tìm hiểu nguyên nhân của từng khoản nợ, bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan để có biện pháp xử lý thích hợp như gia hạn nợ, thỏa ước xử lý nợ, xoá sổ một phần nợ cho khách hàng hoặc yêu cầu Tòa án kinh tế giải quyết theo thủ tục phá sản doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Ngày nay, muốn tồn tại được, các doanh nghiệp phải có sự phát triển không ngừng trong kinh doanh, cũng như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và liên tục mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất để tiến kịp với công cuộc đổi mới của đất nước.

Là một doanh nghiệp xây dựng, Công ty TNHH một thành viên Thanh niên luôn phấn đấu để khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Để có được vị trí như hiện nay, một phần của thành công đó không thể không kể đến sự đóng góp của công tác kế toán. Công ty đang chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính ngày càng hoàn thiện để phục vụ cho công tác quản lý ngày càng tốt hơn mà trong đó khâu đóng vai trò quan trọng là doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại Công ty tương đối hoàn thiện, song bên cạnh đó không tránh khỏi những thiếu sót.

Cùng với những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường, áp dụng vào thực tiễn kế toán đã được tiếp cận tại Công ty, em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Thanh niên.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo Th.S Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty TNHH một thành viên Thanh niên đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Tài liệu tham khảo

- 1.Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- 2.Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
- 3.Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
- 4.Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS. Nghiêm Văn Lợi.
- 5.Thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.
- 6.Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính.
- 7.Giáo trình kế toán tài chính – Nhà xuất bản giao thông vận tải.
- 8.Giáo trình nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản thống kê.